

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**THƯ MỜI
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà,

Địa chỉ trụ sở chính: thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 5300240587 ngày 18/02/2008 (đăng ký thay đổi lần 8 ngày 20/08/2019) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp,

Trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà với các nội dung sau:

1. Thời gian, địa điểm và thành phần dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022:

- Thời gian: **8^h00' đến 11^h30'** thứ sáu, ngày **22 tháng 04 năm 2022**.
- Địa điểm: Tầng 3, Khách sạn GrandPlaza Hà Nội - số 117 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà theo danh sách chốt cổ đông do VSD cung cấp ngày 18/03/2022. Cổ đông không thể đến dự được ủy quyền cho người khác tham dự.

2. Nội dung cuộc họp: Cuộc họp thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo hoạt động của Ban điều hành năm 2021 và kế hoạch năm 2022;
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch năm 2022;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;
- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;
- Tờ trình về việc thông qua quyết toán chi trả thù lao HĐQT/BKS năm 2021 và dự toán trả thù lao HĐQT/BKS năm 2022;
- Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
- Tờ trình về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Tờ trình về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT;
- Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của BKS;

3. Tài liệu phục vụ Đại hội: Quý cổ đông có thể nhận tài liệu tại trụ sở Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà: *Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly huyện Bắc Hà tỉnh Lào Cai* hoặc tải về trên trang Web của Công ty tại địa chỉ sau: <http://thuydienbacha.vn>

4. Điều kiện tham dự cuộc họp: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty theo danh sách cổ đông do VSD cung cấp; hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ theo mẫu gửi kèm thư mời họp này.

5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự cuộc họp cần mang theo các giấy tờ sau:

Đối với cá nhân

- Giấy CMND/thẻ CCCD hoặc hộ chiếu;

- Thư mời họp (bản gốc);

Ghi chú: Trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, người được ủy quyền cần mang theo giấy CMND/thẻ CCCD hoặc hộ chiếu, thư mời họp (bản gốc) và giấy ủy quyền (bản gốc) theo mẫu gửi kèm thư mời họp này để đăng ký tham dự Đại hội theo quy định.

Đối với tổ chức

- Bản sao công chứng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Giấy CMND/thẻ CCCD hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và thư mời họp (bản gốc).

Ghi chú: Trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, người được ủy quyền cần mang theo giấy CMND/thẻ CCCD hoặc hộ chiếu, thư mời họp (bản gốc), bản sao công chứng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy ủy quyền (bản gốc) theo mẫu gửi kèm thư mời họp này để đăng ký tham dự Đại hội theo quy định.

6. Kiến nghị về nội dung cuộc họp: Đề cuộc họp được chuẩn bị chu đáo, trường hợp Quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ít nhất 05% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có kiến nghị về chương trình cuộc họp, đề nghị gửi kiến nghị bằng văn bản đến Công ty trước trước 17^h00' thứ sáu ngày 15/04/2022.

7. Thời gian đăng ký:

Để thuận tiện cho công tác tổ chức Đại hội, đề nghị Quý cổ đông đăng ký xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ trước 17^h00' thứ sáu ngày 15/04/2022. Quý cổ đông gửi giấy xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 (gửi kèm thư mời họp này) hoặc giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật về Công ty hoặc gửi fax, email theo địa chỉ dưới đây:

Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Fax: 0214.6268638 - email: vanha0408@gmail.com hoặc

Người liên hệ: Nguyễn Văn Hà – Số điện thoại: 0985.812.862

8. Mọi chi phí đi lại, lưu trú, phí sinh hoạt cá nhân do Quý cổ đông tự chi trả.

Trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự cuộc họp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Đông Quốc Cường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày tháng năm 2022

GIẤY XÁC NHẬN/UỶ QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Tên cá nhân/tổ chức:.....
Mã cổ đông:.....
Số CMND/Hộchiếu/GCNĐKKD:..... Ngày cấp:.....
Nơi cấp:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Tổng số cổ phần sở hữu:.....cổ phần
(Bằng chữ:.....)

Nay xác nhận:

- Đăng ký tham dự Đại hội cổ đông
 Không tham dự đại hội và ủy quyền cho

Ông (Bà):.....
Số CMND/Hộchiếu: - Ngày cấp:
Nơi cấp:

(**) Hoặc một trong những thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà có tên dưới đây:*

- Ông Đồng Quốc Cường– Chủ tịch HĐQT
 Ông Phan Thanh Hải – Phó chủ tịch HĐQT
 Ông Nguyễn Cảnh Sơn – Thành viên HĐQT
 Ông Nguyễn Danh Quân - Thành viên HĐQT
 Ông Nguyễn Thành Hưng- Thành viên HĐQT

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan tới số cổ phần được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi kết thúc ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà.

Chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này.

NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI UỶ QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà nội, ngày tháng 04 năm 2022

DỰ THẢO

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

<i>Thời gian</i>	<i>Nội dung đại hội</i>	<i>Thực hiện bởi</i>
I.	THỦ TỤC KHAI MẠC	
7h30÷8h00'	Đón tiếp, đăng ký đại biểu tham dự ĐHĐCĐ, phát tài liệu và phiếu biểu quyết	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
8h00'÷8h05'	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Ông Nguyễn Anh Dũng – TV. BKS
8h05'÷8h15'	Giới thiệu và xin ý kiến Đại hội về Đoàn chủ tịch, Ban thư ký; Ban kiểm phiếu. Mời đoàn chủ tịch lên điều hành đại hội, Ban thư ký và ban kiểm phiếu lên thực hiện nhiệm vụ.	Ông Phạm Ngọc Tân – T.BKS
8h15'÷8h25'	Tuyên bố khai mạc đại hội đồng cổ đông và thông qua chương trình đại hội.	Ông Đồng Quốc Cường – CT.HĐQT
II.	NỘI DUNG ĐẠI HỘI	
8h25'÷ 8h35'	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 , kế hoạch SXKD năm 2022	Ông Nguyễn Thành Hưng - TGD
8h35'÷ 8h50'	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch năm 2022	Ông Đồng Quốc Cường – CT.HĐQT
8h50'÷ 9h00'	Báo cáo của Ban kiểm soát; Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	Ông Phạm Ngọc Tân - T.BKS
9h00'÷9h10'	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán	Ông Tạ Hồng Diệu- KTT
9h10'÷ 9h20'	Tờ trình quyết toán chi trả thù lao HĐQT/BKS năm 2021 và dự toán trả thù lao HĐQT/BKS năm 2022; Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty;	Ông Nguyễn Thành Hưng- TGD
9h20'÷ 9h40'	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận 2021; Tờ trình thông qua sửa đổi Quy chế về quản trị nội bộ Công ty; Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT.	Ông Nguyễn Danh Quân – UV HĐQT
9h40'÷ 9h55'	Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.	Ông Phạm Ngọc Tân - T.BKS
9h55'÷ 10h10'	Phát biểu ý kiến của các cổ đông	Các cổ đông
10h10'÷10h30'	Công bố Quy chế biểu quyết tại đại hội	Ông Phạm Ngọc Tân – T.BKS
10h30'÷10h45'	Bỏ phiếu Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội	Các cổ đông
10h45'÷11h00'	Giải lao 15 phút	Ban kiểm phiếu làm việc

11h00' ÷ 11h15'	Thông báo kết quả biểu quyết của Đại hội	Ban kiểm phiếu
11h15' ÷ 11h30'	Thông qua biên bản và Nghị quyết đại hội	Ban Thư ký
11h30'	Bế mạc đại hội.	Ông Đồng Quốc Cường – CT.HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ



**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

Hà nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Kính thưa: Các Quý cổ đông công ty

Thay mặt Ban điều hành Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà (BHHC), Tôi xin trân trọng cảm ơn Quý vị đại biểu, Quý cổ đông đã dành thời gian tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà, sau đây thay mặt Ban điều hành tôi xin báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

I. Về kết quả hoạt động SXKD năm 2021

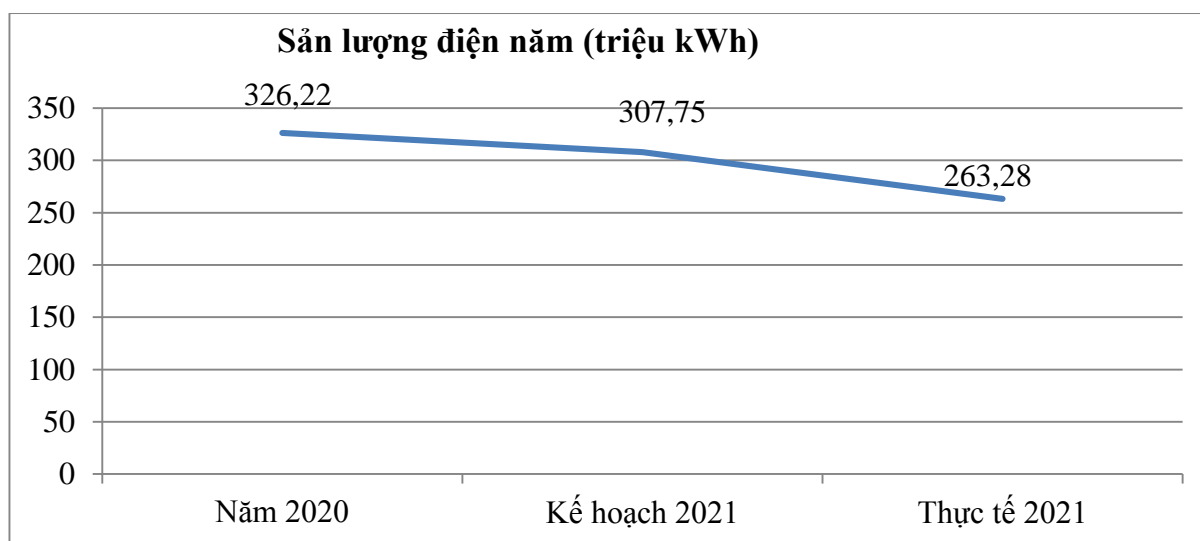
1. Sản xuất điện thương phẩm

Sản lượng điện năng thương phẩm cả năm 2021 sản xuất 263,28 triệu kwh, giảm 14,45% so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty thông qua (minh họa tại bảng I.1 dưới đây).

Bảng I.1 Sản lượng điện thương phẩm năm 2021

Năm	Kế hoạch (triệu kWh)	Thực tế (triệu kWh)	% tăng(+)/giảm(-) so với kế hoạch	% tăng (+)/giảm(-) so với năm trước
Năm 2020	322,05	326,22	+1,29%	+48,17%
Năm 2021	307,75	263,28	-14,45%	-19,29%

Biểu đồ I.1



Nguyên nhân giảm sản lượng điện thương phẩm: Do diễn biến mùa mưa (các tháng 7,8,9 lưu lượng nước về không cao) gây bất lợi cho việc điều tiết, vận hành hồ chứa, mặt khác năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 làm cho phụ tải tiêu thụ điện giảm mạnh, dẫn đến hệ thống điện thừa nguồn và giá điện năng thị trường điện giảm thấp. Ban điều hành đã vận dụng tối ưu các biện pháp trong công tác vận hành như: duy trì hồ ở mức nước cao, chào giá thị trường hợp lý qua đó giúp tăng một phần doanh thu.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

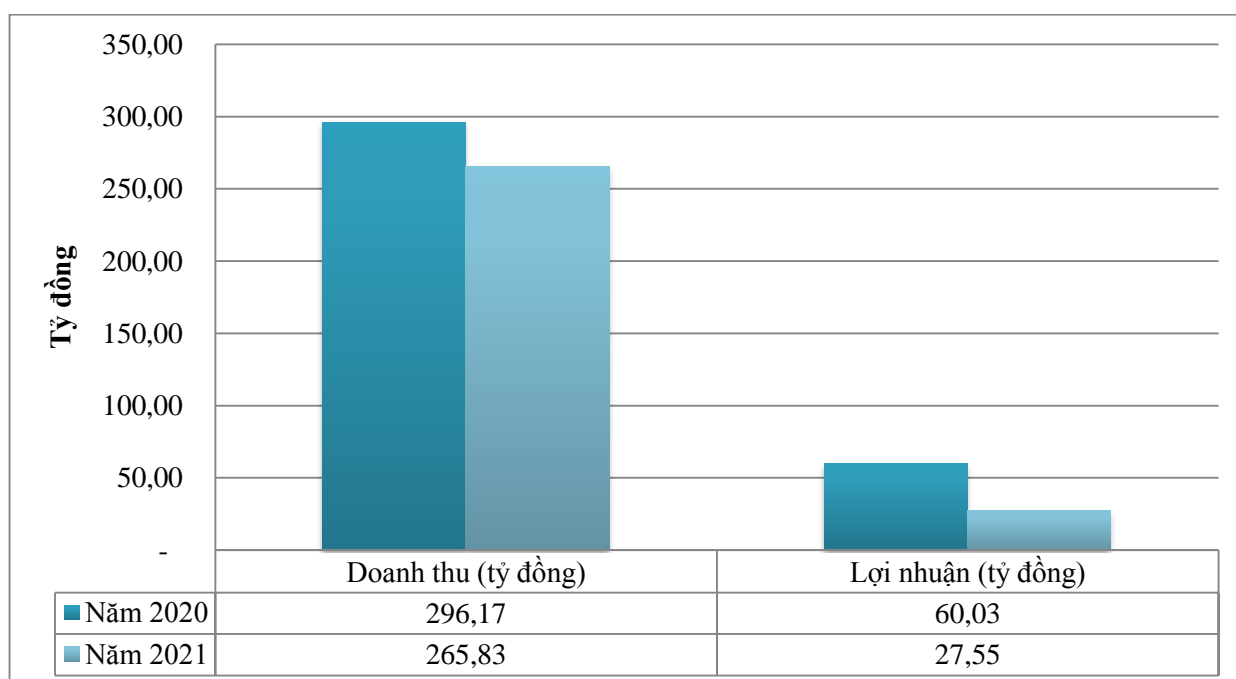
Năm 2021, đã chứng kiến kết quả kinh doanh chưa tốt so với cùng kỳ năm 2020 (do lưu lượng nước về hồ trung bình thấp hơn so với các năm đã vận hành) dẫn đến doanh thu giảm, vì vậy lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh cả năm chỉ đạt 27,56 tỷ đồng

(giảm 32,47 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái 2020) như được minh họa tại bảng dưới đây:

Bảng I.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cả năm 2021 (đã được kiểm toán)

Chi tiêu	Lũy kế (12 tháng)	
	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	265,825,456,802	296,171,269,275
2. Các khoản giảm trừ		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	265,825,456,802	296,171,269,275
4. Giá vốn hàng bán	112,840,991,595	114,789,377,699
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	152,984,465,207	181,381,891,576
6. Thu nhập hoạt động tài chính	453,085,599	386,799,627
7. Chi phí hoạt động tài chính	114,917,016,520	115,019,907,338
Trong đó: Lãi vay	114,917,016,520	115,019,907,338
8. Chi phí bán hàng		
9. Chi phí QLDN	6,380,247,119	5,134,771,818
10. Lợi tức thuần từ SXKD	32,140,287,167	61,614,012,047
11. Thu nhập khác	404,944,875	417,974,844
12. Chi phí khác	3,360,245,411	986,234,568
13. Lợi nhuận khác	-2,955,300,536	-568,259,724
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	29,184,986,631	61,045,752,323
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,627,261,603	1,012,429,354
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	27,557,725,028	60,033,322,969

Biểu đồ I.2. Biểu đồ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021



3. Tình hình tài chính

3.1. Các khoản vay và nợ thuê tài chính

Tính đến hết 31/12/2021, BHHC có các khoản vay và nợ thuê tài chính được liệt kê trong bảng dưới đây

Bảng I.3. Các khoản vay và nợ thuê tài chính (số liệu đã được kiểm toán)

Bên cho vay	Tại 31/12/2021	Trong kỳ		Tại 01/01/2021
		Tăng	Giảm	
1. Vay và nợ ngắn hạn				
1.1.Vay và nợ ngắn hạn				
- Ngân hàng HD Bank CN Lào Cai	17,946,075,941	49,660,718,487	34,081,280,558	2,366,638,012
- Công ty CP Đầu tư An Phúc Thịnh		10,000,000,000	10,000,000,000	
1.2.Vay và nợ dài hạn đến hạn trả				
- Ngân hàng NNo& PTNT Việt Nam - CN Thăng Long	66,000,000,000	66,000,000,000	86,000,000,000	86,000,000,000
- Ngân hàng Phát triển Việt nam - CN Lào Cai	32,004,000,000	32,004,000,000	32,004,000,000	32,004,000,000
- Ngân hàng NNo& PTNT Việt Nam - CN Thăng Long (lãi ân hạn)	10,000,000,000	10,000,000,000		
2. Vay dài hạn				
Vay dài hạn từ Ngân hàng Nông nghiệp Thăng Long	553,698,469,787		100,000,000,000	653,698,469,787
Vay dài hạn từ Ngân hàng Phát triển Lào Cai	52,853,969,500		15,000,000,000	67,853,969,500
Vay nhập khẩu Thiết bị- Ngân hàng phát triển Lào Cai	121,610,586,000			121,610,586,000
Vay vốn thoả thuận – Ngân hàng phát triển Lào Cai	76,587,149,365		17,004,000,000	93,591,149,365
Nợ dài hạn				
- Ngân hàng NNo& PTNT Việt Nam - CN Thăng Long	24,120,000,000		17,727,272,727	41,847,272,727
Cộng	954,820,250,593	59,660,718,487	203,812,553,285	1,098,972,085,391

3.2. Về các khoản phải trả người bán

Kết thúc quý IV-2021, BHHC còn nợ phải trả người bán (chủ yếu là nợ các nhà thầu từ giai đoạn thi công xây lắp dự án thủy điện Bắc Hà) như sau:

Bảng I.4. Các khoản phải trả nhà cung cấp (Số liệu đã được kiểm toán)

Tên đối tác	31/12/2021	31/12/2020
Công ty XD cấp thoát nước & HTKT LICOGI	986,008,779	986,008,779
Công ty CP đầu tư và Xây dựng số 18		8,647,739,302
Công ty LICOGI 20	619,248,529	619,248,529

Công ty CP Viettronic công nghiệp	295,538,883	295,538,883
Các đơn vị nhỏ lẻ	1,320,738,668	3,011,261,622
Công ty TNHH kỹ thuật hệ thống điện Bách Khoa	368,000,000	
Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật điện Minh Ngọc	45,000,000	
Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện Miền Bắc	54,175,000	
Công ty CP thẩm định giá AVALU Việt Nam	95,000,000	
Tổng cộng	3,783,709,859	13,559,797,115

Ghi chú: Số nợ trên chưa tính đến khoản lãi chậm thanh toán giá trị xây lắp hoàn thành của Licogi 18 với số tiền 22,727 tỷ đồng.

4. Tình hình thực hiện đầu tư hoàn thiện nhà máy năm 2021

Do hiện nay tình hình tài chính của công ty chỉ đủ cân đối trả nợ ngân hàng, thuế và các chi phí quản lý, chi phí thường xuyên... nên trong năm 2021 Công ty chưa đầu tư thêm hạng mục nào.

II. Tình hình thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT năm 2021

Căn cứ vào các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt kế hoạch sản lượng điện hàng quý trong năm 2021 trên cơ sở kế hoạch cả năm đã được ĐHĐCĐ thông qua Ban điều hành đã thực hiện sản xuất điện thương phẩm nhằm vận hành tối ưu lượng nước về hồ và giá thị trường điện. Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 làm cho phụ tải tiêu thụ điện giảm mạnh, dẫn đến hệ thống điện thừa nguồn và giá điện năng thị trường điện giảm thấp, mặt khác do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, lưu lượng về hồ thủy điện Bắc Hà thấp so với các năm đã vận hành, vì vậy sản lượng điện cả năm chỉ đạt 263,28 triệu KWh giảm 14,45% so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty thông qua;

Thực hiện Phương án tái cơ cấu và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà theo đề án đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, Ban điều hành đã tái cơ cấu tổ chức, tinh giảm bộ máy gọn nhẹ. Với số lượng người như hiện nay, để thực hiện các công việc của nhà máy, mỗi người lao động trong Công ty phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau.

Song song với đó, việc tạo ra một môi trường làm việc minh bạch, công bằng, làm việc theo nhóm đã giúp thúc đẩy được người lao động đoàn kết, hăng say với công việc dẫn đến năng suất lao động tăng cao. Minh chứng thuyết phục và biểu hiện rõ nhất là việc giảm chi phí giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh trong năm 2021 thông qua việc tự thực hiện nhiều hạng mục công việc không thuê ngoài bao gồm:

- Tự làm bê cá koi, mốc thủy chí, biểu tượng đoàn kết, trồng cây xanh tại các vị trí đất trống, trang trí làm đẹp cảnh quan nhà máy, nhà điều hành...

Bên cạnh đó, Ban điều hành nhận được sự chỉ đạo của HĐQT, các Quý cổ đông lớn trong việc chỉ đạo giải quyết dứt điểm những vướng mắc để mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cụ thể như sau:

- Ban điều hành thường xuyên tổ chức kiểm tra bảo dưỡng định kỳ hệ thống thiết bị nhà máy theo từng tuần, tháng kịp thời khắc phục lỗi thiết bị xảy ra trong quá trình vận hành, bảo đảm tổ máy hoạt động ổn định, thông suốt;

- Lập dự toán danh mục thiết bị vật tư phục vụ công tác bảo dưỡng định kỳ năm 2022 đã được HĐQT xem xét, thông qua cho phép mua sắm vật tư phục vụ bảo dưỡng năm 2022;

- Ban điều hành đã làm việc với trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia để đồng ý với kế hoạch đăng ký sửa chữa bảo dưỡng định kỳ năm 2022, rà soát vật tư, thiết bị, cho mua sắm một số vật tư tiêu hao thay thế cần thiết để phục vụ kịp thời cho công việc bảo dưỡng các hệ thống: Điều tốc, kích từ, tuabin, máy phát, hệ thống tự dừng... đáp ứng thời gian dừng máy đã phê duyệt A0;

- Ban điều hành bám sát chỉ đạo HĐQT vận hành hồ chứa nhà máy thủy điện Bắc Hà theo phương án linh hoạt, hợp lý, giúp tiết kiệm nước nhưng vẫn đáp ứng được tối đa hiệu suất hai tổ máy và sản lượng điện thương phẩm phát lên lưới theo lệnh điều độ của Trung tâm điều độ Quốc gia (A0);

- Ban điều hành thực hiện công tác đối ngoại với các đối tác của Công ty như Công ty mua bán điện, EVN, Cục điều tiết điện lực, HDBank, Agribank... nhằm đẩy nhanh công tác thanh toán tiền điện tạo thuận lợi trong việc cân đối dòng tiền hàng tháng, hàng quý của Công ty;

- Ban điều hành phối hợp với Cục điều tiết điện lực hoàn thiện cấp giấy phép hoạt động điện lực đối với nhà máy thủy điện Bắc Hà;

- Ban điều hành tiến hành làm việc với đơn vị bảo hiểm về việc đền bù các hạng mục hệ thống tiếp địa nhà máy thủy điện Bắc Hà.

Bên cạnh các nhiệm vụ đã thực hiện, Ban điều hành công ty cũng thường xuyên quan tâm đến các mặt công tác, quản lý để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật, về mặt tổ chức công ty đã tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối, giảm nhân sự và chi phí quản lý.

III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh điện

Từ thực tế điều hành kinh doanh và công tác phân tích, dự báo, đánh giá lưu lượng nước về hồ trong năm 2021, bên cạnh việc hoàn thành công tác bảo dưỡng định kỳ năm 2022 hai tổ máy, Ban điều hành kính trình ĐHCĐ thông qua kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

Bảng III.1. Kế hoạch sản xuất điện và doanh thu năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
I	Sản lượng	KWh	299,190,000	
II	Tổng doanh thu	VNĐ	336,007,821,610	
1	Doanh thu trước thuế (Chưa bao gồm TNN+MTR)	VNĐ	268,217,851,200	
2	Thuế Tài nguyên nước	VNĐ	27,891,090,180	
3	Phí Môi trường rừng	VNĐ	10,770,840,000	
4	Thuế cấp quyền khai thác nước	VNĐ	4,577,657,720	
5	Thuế Giá trị gia tăng	VNĐ	24,550,382,510	
III	Thu tiền bán điện	VNĐ	336,007,821,610	
IV	Chi phí QLVH Công ty	VNĐ	19,972,747,296	
1	Tiền lương và các khoản theo lương	VNĐ	14,272,389,896	

2	Bảo hiểm xã hội, Y tế, Công đoàn...	VNĐ	1,230,777,400	
3	Chi phí khác	VNĐ	4,469,580,000	
V	Chi Phí thường xuyên	VNĐ	9,084,559,996	
1	Chi phí vận hành đường dây 220KV	VNĐ	260,550,000	
2	Chi phí Bảo hiểm nhà máy	VNĐ	1,200,000,000	
3	Nộp quỹ phòng chống thiên tai		100,000,000	
4	Chi phí Sửa chữa lớn nhà máy	VNĐ	1,967,889,946	
5	Chi phí sửa chữa TB thường xuyên	VNĐ	2,676,120,050	
6	Phí quản lý tín dụng	VNĐ	300,000,000	
7	Chi phí hỗ trợ đầu tư điện nông thôn của các nhà đầu tư thủy điện trên địa bàn Lào Cai (theo công văn số 372/TB-VPUBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng UBND Tỉnh Lào Cai) và tác động môi trường và đời sống dân cư của các thủy điện.	VNĐ	2,580,000,000	
VI	Khấu hao TSCĐ	VNĐ	100,785,379,847	
1	Khấu hao TSCĐ	VNĐ	100,785,379,847	
VII	Chi phí lãi vay	VNĐ	93,305,751,569	
1	Lãi vay Agribank	VNĐ	63,408,751,569	
2	Lãi vay VDB	VNĐ	27,227,000,000	
3	Lãi vay NH, khác	VNĐ	2,670,000,000	
VIII	Trả nợ	VNĐ	255,305,751,569	
A	Trả Agribank		163,408,751,569	
1	Trả nợ gốc Agribank	VNĐ	100,000,000,000	
2	Trả lãi Agribank	VNĐ	63,408,751,569	
3	Trả nợ lãi đọng đã cơ cấu Agribank	VNĐ	10,000,000,000	
B	Trả VDB		59,227,000,000	
1	Trả nợ gốc VDB	VNĐ	32,000,000,000	
2	Trả lãi VDB	VNĐ	27,227,000,000	
C	Trả nợ vay ngắn hạn	VNĐ	32,670,000,000	
1	Trả nợ gốc NH	VNĐ	30,000,000,000	
2	Trả nợ lãi vay NH	VNĐ	2,670,000,000	
IX	Dư nợ các Ngân hàng	VND	828,882,174,652	
1	Ngân hàng Agribank	VND	553,698,469,787	
2	Ngân hàng VDB Lãi suất ưu đãi	VNĐ	52,853,969,500	
3	Ngân hàng VDB Lãi suất thỏa thuận	VNĐ	198,209,735,365	
5	Nợ đọng tiền lãi đã cơ cấu Agribank	VND	24,120,000,000	

6	Nợ vay ngắn hạn	VND		
X	Lợi nhuận trước thuế	VND	45,069,412,491	
1	Lợi nhuận từ HĐSXKD	VND	45,069,412,491	
2	Lợi nhuận khác	VND		
3	Chi phí khác	VND	936,000,000	
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	2,253,470,624.56	
XI	Lợi nhuận sau thuế	VND	41,879,941,867	
XII	Lợi nhuận còn lại sau khi bù lỗ lũy kế năm trước		-	
1	Trích lập các quỹ	VND	2,093,997,093.3	
2	Chia cổ tức	VND	39,785,944,773	
3	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	%	6.0%	
4	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	VND	39,785,944,773	
5	Vốn chủ sở hữu	VND	660,000,000,000	
XIII	Nộp Ngân sách Nhà nước	VND	70,043,441,035	
1	Thuế Tài nguyên nước	VND	27,891,090,180	
2	Phí Môi trường rừng	VND	10,770,840,000	
3	Thuế cấp quyền khai thác nước	VND	4,577,657,720	
4	Thuế Giá trị gia tăng	VND	24,550,382,510	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	2,253,470,625	
XIV	Lao động và Tiền lương	VND		
1	Tổng số CBCNV	VND	52	
2	Tổng quỹ lương	VND	14,272,389,896	
3	Tỷ trọng tiền lương / Doanh thu	%	5,3	
XV	Đầu tư hoàn thiện nhà máy	VND		
1	Đầu tư XDCB	VND	0	
2	Đầu tư thiết bị (Sửa chữa lớn thiết bị nhà máy)	VND	6,800,000,000	

2. Kế hoạch đầu tư hoàn thiện dự án

2.1. Phần xây dựng:

Phần đầu hoàn thành Quy hoạch tổng mặt bằng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước.

2.2. Phần thiết bị:

Mua sắm thiết bị thay thế đảm bảo cho tổ máy vận hành an toàn;

IV. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021

Từ thực tế điều hành kinh doanh và các phân tích, đánh giá trên, Ban điều hành nhận thấy diễn biến thủy văn trên lưu vực sông Chảy mùa khô đến sớm hơn so với các năm đã vận hành, dẫn đến lưu lượng nước về hồ những tháng cuối năm 2021 giảm. Diễn biến tiêu cực này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch SXKD của BHHK mà đặc biệt là lĩnh vực tài chính sẽ bị mất cân đối trầm trọng;

Giải pháp đầu tiên và tiên quyết là Ban điều hành tiếp tục kiểm soát chặt chi phí và vận hành tối ưu hồ chứa để có thể sản xuất ra tối đa sản lượng điện tương ứng với lưu

lượng nước về hồ, ưu tiên chạy máy vào thời điểm có giá thị trường cao để tối đa hóa doanh thu;

Bên cạnh đó, Ban điều hành sẽ nỗ lực tìm kiếm nguồn vay ngắn hạn giúp BHHHC có đủ nguồn để cân đối trả nợ tránh bị thiếu hụt như đã xảy ra trong năm 2020 và 2021, cụ thể như sau:

- Tăng hạn mức vay ngắn hạn của các tổ chức tài chính đang tài trợ cho dự án nhằm giảm áp lực cân đối dòng tiền cho các năm tiếp theo;

- Cân đối dòng tiền hợp lý theo doanh thu năm 2022 để thực hiện việc trả nợ ngân hàng, chi phí đầu tư mới, các chi phí khác;

Với những nỗ lực đã thực hiện năm 2021, cùng với dự báo khả quan về tình hình thủy văn năm 2022, Ban điều hành sẽ tiếp tục khắc phục những khó khăn để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông thường niên năm 2022 thông qua;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua toàn văn báo cáo này.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- HĐQT, Ban kiểm soát để b/c
- Lưu TCHC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022**

Hà nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN 1. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021	2
PHẦN 2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ	7
PHẦN 3. KẾ HOẠCH NĂM 2022.....	9
PHẦN 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	12

PHẦN 1. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Kính thưa: các Quý Đại biểu, các Quý Cổ đông Công ty

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà, Tôi xin trân trọng cảm ơn toàn thể Quý Đại biểu, Quý Cổ đông đã dành thời gian tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà.

Tiếp theo Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Tôi xin thay mặt HĐQT báo cáo Đại hội đồng Cổ đông hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà có năm (5) thành viên bao gồm:

- Ông Đồng Quốc Cường Chủ tịch HĐQT;
- Ông Phan Thanh Hải Phó Chủ tịch HĐQT;
- Ông Nguyễn Cảnh Sơn Ủy viên HĐQT;
- Ông Nguyễn Thành Hưng Ủy viên HĐQT;
- Ông Nguyễn Danh Quân Ủy viên HĐQT;

Trong năm qua HĐQT đã tiến hành họp thường kỳ hàng quý, lấy phiếu xin ý kiến 10 lần và ra được 23 nghị quyết, quyết định để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT đã tập trung giải quyết các nội dung sau:

Về chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh

Bằng các nghị quyết, quyết định trong việc phê duyệt kế hoạch sản lượng điện hàng quý trong năm 2021 trên cơ sở kế hoạch cả năm đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành sản xuất điện thương phẩm phù hợp với năng lực của máy móc thiết bị qua đó sản lượng điện năng năm 2021 sản suất ra đạt 263,28 triệu kwh;

HĐQT cùng với Ban điều hành đã chỉ đạo và giám sát công tác bảo dưỡng, sửa chữa tốt thiết bị nhà máy, đảm bảo cho nhà máy vận hành ổn định trong cả năm 2021 không gặp bất kỳ sự cố nào;

Trong năm qua, với mục tiêu an toàn là trên hết HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực thi các biện pháp cần thiết trong công tác phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động,... để đảm bảo Công ty vận hành an toàn và ổn định;

HĐQT đã cùng với Ban điều hành chỉ đạo vận hành hồ chứa nhà máy thủy điện Bắc Hà theo phương án linh hoạt, hợp lý, giúp tiết kiệm nước nhưng vẫn đáp ứng được tối đa hiệu suất 2 tổ máy và sản lượng điện thương phẩm phát lên lưới theo lệnh điều độ của Trung tâm điều độ Quốc gia (A0);

Để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, HĐQT Công ty thường xuyên quán triệt chủ trương tăng doanh thu và giảm chi phí hoạt động, nâng cao năng lực nhân sự Công ty, áp dụng KPI, TPI, TPM, 5s vào sản xuất... HĐQT đã thường xuyên, liên tục giám sát và chỉ đạo Ban điều hành cắt giảm các chi phí không hợp lý để tăng hiệu quả kinh doanh;

HĐQT Công ty đã tích cực cùng với Ban điều hành thực hiện công tác đối ngoại với các đối tác của Công ty như Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia, Công ty mua bán điện, EVN, Cục điều tiết điện lực, HDBank, Agribank... nhằm đẩy nhanh công tác thanh toán tiền điện tạo thuận lợi trong việc cân đối dòng tiền hàng tháng, hàng quý của Công ty;

Bên cạnh đó, HĐQT cũng đã chỉ đạo, kết hợp cùng Ban điều hành triển khai hoàn thiện một số hạng mục công việc: Trồng cây xanh, hoa, trang trí cảnh quan công ty và thi công phao cắm thủy thượng lưu nhà máy ... giúp cảnh quan nhà máy ngày càng hoàn thiện và vận hành nhà máy an toàn, ổn định hơn.

Về quản trị Tài chính

Tuy nhiên thực trạng tình hình tài chính năm 2021 vẫn còn nhiều khó khăn, cụ thể: nợ các ngân hàng dài hạn và ngắn hạn đến ngày 31/12/2021 là 954,8 tỷ đồng, nợ các nhà thầu bao gồm khoản nợ lãi chậm thanh toán xây lắp giá trị hoàn thành của Licogi 18 với giá trị 24,332 tỷ đồng. HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành triển khai phương án tái cấu trúc tài chính các khoản vay hiện tại theo hướng giải quyết triệt để mất cân đối, ổn định tình hình tài chính, cụ thể: HĐQT đã đôn đốc và chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành thủ tục vay bổ sung Công ty cổ phần đầu tư An Phúc Thịnh 10 tỷ đồng, và Ngân hàng HDBank – CN Lào Cai hạn mức 30 tỷ để chi trả các khoản nợ thuế đến hạn và kỳ trả nợ gốc 25/3/2021. Qua đó giúp BHHC có thêm nguồn để trả nợ lãi vay và gốc 112 tỷ đến kỳ hạn phải thanh toán (tháng 11/2021) của Agribank Thăng Long. Nhờ có sự thanh toán đúng hạn trên, BHHC đã không bị Agribank Việt nam xếp hạng tín dụng nhóm V. Vì vậy, giúp cải thiện tình trạng mất cân đối dòng tiền năm 2021 của Công ty.

Tình hình cổ đông Công ty

Tính đến ngày 18/03/2022, số lượng cổ đông, số cổ phần nắm giữ và số vốn điều lệ của Công ty như sau:

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Licogi - CTCP	G1, P.Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, TP Hà Nội	25.613.083	38,81
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	Số 885, đường Hồng Hà, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	15.966.600	24,19
3	Các cổ đông thể nhân (463 cổ đông)		24.420.317	37,00
	Cộng		66.000.000	100
	Vốn điều lệ		660.000.000.000 đồng	

Công tác tổ chức nhân sự Công ty

Trong năm 2021, HĐQT tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tái cơ cấu lại bộ máy nhân sự Công ty để giảm chi phí, đồng thời tăng cường hiệu quả công việc, bao gồm việc tinh giản bộ máy quản lý, tăng cường công tác kiêm nhiệm các vị trí, giảm số lượng CBCNV ở những vị trí không cần thiết, củng cố các vị trí liên quan đến công tác vận hành an toàn, liên tục để mang lại hiệu quả cho công ty.

Đánh giá chung

Trong năm qua ngoài những thuận lợi Công ty còn gặp nhiều khó khăn, song Hội đồng quản trị đã có những quyết sách, những biện pháp phù hợp, linh hoạt, kịp thời giúp Ban điều hành Công ty chủ động đối phó với những biến động về thời tiết và thị trường cụ thể như sau:

Thuận lợi

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ, tư vấn khi cần thiết từ các đối tác (Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, công ty Mua bán điện...), các cổ đông lớn (Công ty CP

Đầu tư Bắc Hà, Tổng công ty Licogi,...), chính quyền địa phương trong việc điều hành sản xuất và phối hợp vận hành nhà máy;

Các thành viên HĐQT đã góp ý và thống nhất thông qua những nghị quyết, quyết định đúng đắn giúp giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh hàng tháng, quý của Công ty;

Đội ngũ CBCNV vận hành nhà máy có chuyên môn, kinh nghiệm và yêu nghề.

Khó khăn

Lãi suất vay ngân hàng còn ở mức cao làm tăng chi phí tài chính của Công ty;

Thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty còn nhiều bất cập gây lãng phí về thời gian và tăng chi phí quản lý của Công ty;

Đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2021

Ưu điểm

HĐQT ra các quyết định, nghị quyết kịp thời và chính xác đối với các hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý của Công ty.

Hạn chế

Do các thành viên HĐQT không là chuyên trách và ở những cơ quan, địa bàn khác nhau dẫn đến việc họp HĐQT đôi khi không đầy đủ các thành viên tham dự, các phiếu xin ý kiến phản hồi không đúng hạn;

Kết quả

Năm 2021, mặc dù đã có sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV nhưng do biến động về thời tiết, lưu lượng nước về hồ nhà máy ở mức thấp so với các năm vận hành nên kế hoạch sản xuất điện do ĐHĐCĐ đề ra cho năm 2021 không đạt được, cụ thể như sau:

(Trích Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán)

Đơn vị tính : tỷ đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kế hoạch năm 2021</i>	<i>Thực hiện năm 2021</i>	<i>Thực hiện năm 2020</i>
1.Sản lượng điện thương phẩm (Tr. kWh)	307,74	263,28	220,16
2.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		265,82	296,17
3.Doanh thu hoạt động tài chính		0,453	0,386
4.Thu nhập khác		0,404	0,417
5.Lợi nhuận khác			
6.Lợi nhuận trước thuế		29,184	61,045
7.Lợi nhuận sau thuế	33,865	27,557	60,033

HĐQT đã bám sát chỉ đạo BĐH Công ty vận hành ở mức nước có hiệu suất cao, linh hoạt trong công tác vận hành thị trường điện, qua đó doanh thu bán điện năm 2021 đạt được 265,82 tỷ đồng bằng 96,63% kế hoạch năm 2021.

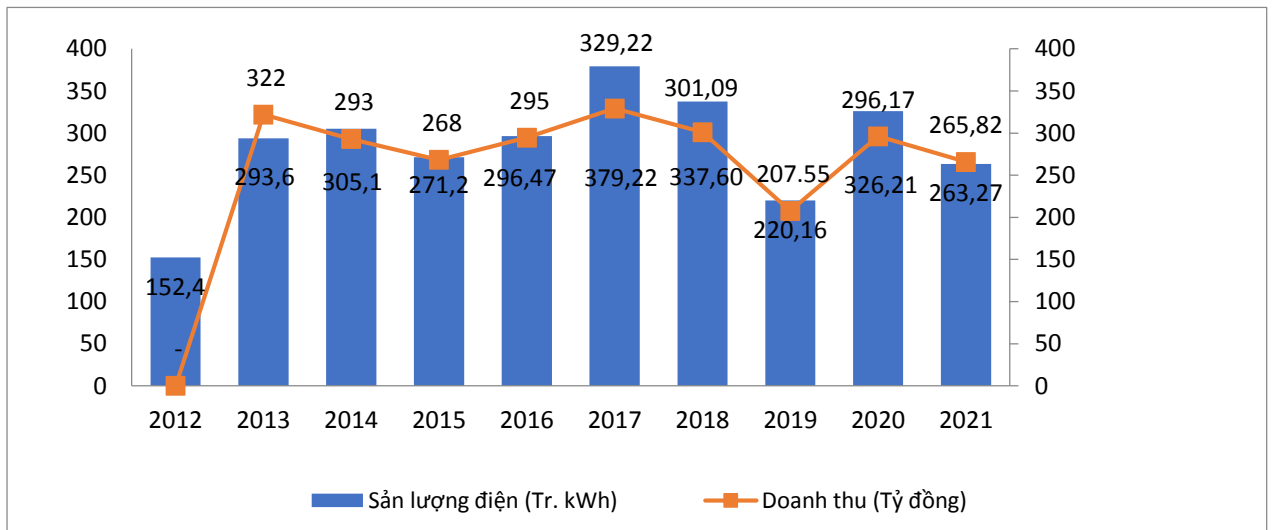
HĐQT thường xuyên chỉ đạo Công ty giảm chi phí sản xuất, các chi phí khác...giúp hoạt động sản xuất của Công ty ngày càng đem lại hiệu quả cao.

Doanh thu và sản lượng điện qua các năm từ 2012-2021

Về SXKD điện

Giai đoạn 2012-2021, dưới sự đôn đốc và chỉ đạo của HĐQT thông qua các nghị quyết, quyết định, Công ty đã sản xuất và truyền tải lên lưới điện quốc gia sản lượng điện thương

phẩm đạt 2.714,26 triệu kWh tương ứng với tổng doanh thu các năm từ 2013-2021 đạt 2.577,86 tỷ đồng và được thể hiện bằng biểu đồ dưới đây:



**Ghi chú: Doanh thu năm 2012 được hạch toán sang năm 2013*

Về nhân sự

Tình giảm và rút gọn bộ máy của Công ty, cụ thể đã giảm được biên chế từ 83 người năm 2018 xuống còn 62 người năm 2019, xuống còn 54 người năm 2020 và 50 người năm 2021.

Tổ chức hoạt động của Công ty dần ổn định và chuyên nghiệp hơn.

Những tồn tại cần khắc phục

Cần có những UV HĐQT chuyên trách để giúp hoạt động của HĐQT gắn chặt và bám sát hơn nữa đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

PHẦN 2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ

Nhìn chung, Ban điều hành đã thực hiện đúng các chức năng theo quy định của Điều lệ Công ty. Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chỉ đạo của HĐQT và ĐHĐCĐ. Lợi ích của Công ty, cổ đông và người lao động được đảm bảo. Cụ thể như sau:

Chỉ đạo vận hành máy móc thiết bị hợp lý, vận hành hồ chứa luôn ở mức nước hồ cao nhằm đạt hiệu suất phát điện tối đa và linh hoạt trong việc vận hành thị trường điện;

Ban điều hành đã áp dụng KPI, 5S, TPI và áp dụng CNTT sâu rộng vào sản xuất giúp hiệu quả công việc tăng cao;

Ban điều hành luôn chú trọng đến công tác an toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị định kỳ nhà máy đảm bảo vận hành an toàn;

Ban điều hành đã làm việc với Cục điều tiết điện lực hoàn thành việc cấp giấy phép hoạt động điện lực cho Công ty có thời hạn là 10 năm;

Ban điều hành đã có nhiều cố gắng trong việc sắp xếp, ổn định bộ máy tổ chức, tinh giảm nhân sự ở những vị trí không cần thiết giúp giảm chi phí cho Công ty;

Ban điều hành tận dụng các vật tư dư thừa không dùng đến tại nhà máy để trang trí làm đẹp cảnh quan nhà máy, trồng hoa ở những nơi đất trống, bể cá Koi, biểu tượng đoàn kết... Qua đó làm giảm tối đa chi phí cho Công ty;

Ban điều hành đã tạo ra một môi trường làm việc minh bạch, công bằng, làm việc theo nhóm đã giúp thúc đẩy được người lao động đoàn kết, hăng say với công việc dẫn đến năng suất lao động tăng cao;

PHẦN 3. KẾ HOẠCH NĂM 2022

Mục tiêu năm 2022

Mục tiêu xuyên suốt và có thể nói là duy nhất của Công ty là tăng lợi nhuận hàng năm và tăng tỷ lệ chia cổ tức cho các cổ đông.

Để làm được điều này Công ty phải phối hợp với Trung tâm điều độ Quốc gia vận hành tối đa công suất phát điện của các tổ máy và giảm chi phí đặc biệt là chi phí tài chính.

Bên cạnh đó, sẽ nỗ lực tiếp tục tìm kiếm các giải pháp tài chính để giảm thiểu tối đa chi phí tài chính nhằm mang lại hiệu quả cao hơn nữa cho các năm tài chính sắp đến;

Kế hoạch cho từng lĩnh vực

Năm 2022, hoạt động của HĐQT sẽ tập trung vào những nội dung sau:

Sản xuất kinh doanh điện

Dự đoán năm 2022 tình hình kinh tế xã hội chung cả nước có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên những tồn tại, khó khăn như nợ ngân hàng, nợ nhà thầu thi công vẫn còn hiện hữu, cần phải khắc phục và giải quyết.

Từ nhận định trên, Hội đồng quản trị đưa ra định hướng chung với các mục tiêu như sau:

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành vận hành hồ chứa một cách tối ưu để đạt được sản lượng điện và hiệu suất phát điện tối đa mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho năm tài chính 2022;
- Quyết liệt xử lý phương án tái cấu trúc tài chính với mục tiêu không có nợ quá hạn ngân hàng;
- Tập trung nghiên cứu và triển khai phương án kinh doanh mới, có khả năng tạo nguồn thu bổ sung cho Công ty.

Công tác đầu tư - mua sắm

Trong điều kiện hiện nay, tình hình tài chính của Công ty còn khó khăn, trước mắt trong năm 2022 tập trung đầu tư các hạng mục liên quan đến việc vận hành an toàn, liên tục nhà máy (bảo dưỡng và mua sắm phụ tùng, vật tư)

Về quản lý

Thực hiện nhiều biện pháp tăng cường giám sát chặt chẽ công tác quản lý SXKD, tiết kiệm chi phí hợp lý...;

Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm các giải pháp, ứng dụng khoa học công nghệ để giảm thiểu hao hụt trong hoạt động phát điện, sử dụng nguồn nước có hiệu quả nhất;

Triển khai áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về nhân sự - lao động

Thường xuyên đảm bảo đời sống người lao động được ổn định và tăng lên, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, đào tạo và tuyển dụng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực của Công ty. Tăng cường kiêm nhiệm các vị trí để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

HĐQT sẽ chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và toàn thể CBCNV Công ty đạt một số chỉ tiêu chính của năm 2022 như sau:

(Trích kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được HĐQT Công ty thống nhất trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022
1.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr Kwh	299,19
2.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	268,217
3.	Chi phí quản lý vận hành	Tỷ đồng	19,972
4.	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	112,55
5.	Chi phí thường xuyên	Tỷ đồng	6,5
6.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	39,78
7.	Đầu tư	Tỷ đồng	6,8

PHẦN 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua các số liệu về tình hình tài chính Công ty trong các năm tài chính 2013-2021 và dự báo số liệu tài chính năm 2022 cho thấy tình hình tài chính của Công ty đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên áp lực trả nợ ngân hàng vẫn còn rất lớn đặc biệt kỳ trả nợ gốc và lãi 25/3 hàng năm. Mặt khác do 6 tháng đầu năm là mùa khô lưu lượng nước về hồ thấp dẫn đến doanh thu thấp không đủ để trả nợ. Qua đó giá trị cân đối dòng tiền thấp gây bất lợi cho Công ty trong việc trả nợ các ngân hàng, nhà thầu và hoạt động sản xuất của Công ty. Do vậy, Công ty tiếp tục vay vốn bổ sung ngắn hạn tại ngân hàng HDBank chi nhánh Lào Cai và các đối tác khác để trả nợ, tránh công ty nhảy nhóm nợ xấu (nhóm V- mất vốn).

Việc nợ nhà thầu với giá trị khoảng 24,332 tỷ đồng (đã bao gồm khoản nợ lãi chậm trả 22,727 tỷ của Licogi18) vẫn còn là vấn đề cần giải quyết.

HDQT Công ty sẽ quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành tìm kiếm các tổ chức tài chính, tín dụng khác để tìm phương án tái cấu trúc tài chính giúp cải thiện tình hình tài chính công ty trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

HDQT sẽ tiếp tục chỉ đạo, giám sát, và cùng đồng hành với Ban điều hành trong mọi hoạt động của công ty để đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD và đầu tư xây dựng năm 2022 sẽ được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 xem xét, thông qua.

Xin Trân trọng cảm ơn.

Nội nhận:

- Các cổ đông Cty (đăng trên web Cty);
- HDQT, BKS, BDH;
- Lưu: HDQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đông Quốc Cường

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

Kính thưa: các Quý đại biểu, các Quý cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2021,

Ban kiểm soát báo cáo tình hình kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà (BHHC) trong năm 2021 trước Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà theo những nội dung sau:

I. Tình hình kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh của BHHC trong năm 2021

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Năm 2021, do lưu lượng nước trung bình về hồ ở mức thấp so với các năm vận hành nên sản lượng điện năng sản xuất ra chỉ đạt 263,28 triệu kwh bằng 80,70 % so với cùng kỳ năm 2020 và bằng 85,54% so với kế hoạch năm;

HDQT và Ban điều hành đã cố gắng tiết kiệm chi phí tối đa để đảm bảo lợi ích cho cổ đông trên cơ sở nhà máy vận hành ổn định và chào giá linh hoạt trong vận hành thị trường điện. Qua đó doanh thu của BHHC bán điện nhà máy năm 2021 đạt 265,82 tỷ đồng bằng 89,75% so với cùng kỳ năm 2020;

Công tác phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh, duy tu bảo dưỡng nhà máy được làm tốt. Trong năm 2021 nhà máy hoạt động an toàn, hiệu quả;

Công tác vận hành và điều tiết hồ chứa đảm bảo theo đúng quy trình vận hành hồ chứa đã được Bộ Công thương và UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt;

Công tác tổ chức nhân sự dần đi vào ổn định sau khi thực hiện rà soát, cắt giảm những bộ phận đã dư thừa.

2. Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2021

Báo cáo tài chính 2021 của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán (AASC). Theo Ban kiểm soát, số liệu báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, lưu chuyển tiền tệ và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty theo các chuẩn mực kế toán, kiểm toán của Việt Nam.

(Báo cáo tài chính được gửi kèm theo tài liệu đại hội cổ đông 2022)

Tổng quan về bức tranh tài chính của Công ty trong năm 2021, Ban kiểm soát đánh giá điểm trọng yếu là dòng tiền của công ty vẫn mất cân đối nghiêm trọng, trong khi nợ vẫn cao, cụ thể: nợ các ngân hàng là 954,80 tỷ đồng (đến 31/12/2021).

Do doanh thu phụ thuộc vào thời tiết nên nếu không có những chuyển biến cụ thể về lãi suất các khoản vay, tình hình tài chính sẽ khó có chuyển biến tích cực. Vì vậy, để giải quyết tình trạng này, hiện tại công ty đang triển khai các phương án:

- Tiếp tục đàm phán với AGRIBANK VIỆT NAM để giảm lãi suất các khoản vay hiện tại .
- Tiết kiệm giảm tối đa các chi phí quản lý doanh nghiệp trên cơ sở đảm bảo hoạt động an toàn và thường xuyên của nhà máy.
- Tìm kiếm các nguồn vay khác để bù đắp những khoản thiếu hụt.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021

1. Nhân sự và hoạt động của Ban kiểm soát

Nhân sự Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 gồm 03 thành viên:

- Ông Phạm Ngọc Tân (Trưởng ban)
- Ông Nguyễn Anh Dũng (Thành viên)
- Ông Đỗ Văn Chính (Thành viên)

Các hoạt động thường kỳ của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật kế toán, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHCĐ/HĐQT trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

a. Thăm tra báo cáo tài chính và giám sát công tác công bố thông tin

Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam;

Xem xét báo cáo tài chính định kỳ hàng quý và cả năm do Ban điều hành cung cấp. Từ đó, thăm tra việc hạch toán ghi nhận các khoản doanh thu, phân bổ chi phí, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, tình hình quản lý công nợ và tình hình trích lập các khoản dự phòng theo quy định;

Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị đề xuất chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm;

Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm. Thăm định báo cáo tài chính năm trước và sau kiểm toán, đồng thời xem xét các ý kiến của kiểm toán viên độc lập.

b. Phối hợp và giám sát hoạt động Hội đồng quản trị, Ban điều hành

Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tổ chức nhiều cuộc họp, qua đó đã ban hành các Nghị quyết, các Quyết định chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty;

Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp định kỳ hàng quý giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành để nghe Ban điều hành báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra;

Trong năm 2021, Công ty không phát sinh bất cứ xung đột lợi ích với những người có liên quan.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

Trong năm vừa qua hoạt động của HĐQT đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

a. Một số công việc tiêu biểu Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong năm 2021:

- Chỉ đạo vận hành hồ chứa và máy móc thiết bị tối ưu, làm việc với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia để vận hành hiệu quả trong thị trường điện.
- Làm việc tốt với A0 và Công ty mua bán điện, đảm bảo tối đa sản lượng điện thương phẩm phát lên lưới và rút ngắn thời gian hồ sơ thanh toán.
- Tiết kiệm tối đa các chi phí hoạt động của nhà máy, tinh giảm rút gọn bộ máy của Công ty trên cơ sở vẫn đảm bảo nhà máy hoạt động ổn định, an toàn, đáp ứng được tối đa sản lượng điện thương phẩm phát lên lưới.
- Làm việc với các ngân hàng, tổ chức tín dụng điều chỉnh giảm lãi suất vay vốn của công ty. Tham gia tìm kiếm các nguồn vốn tín dụng khác.
- Áp dụng KPI, TPI, 5s và công nghệ sâu rộng vào các hoạt động sản xuất của nhà máy....phân cấp hoạt động của HĐQT, rà soát sửa đổi quy chế quản lý tài chính Công ty, quy định chi tiêu nội bộ,...nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý tài chính của công ty.
- Làm đẹp cảnh quan công ty, trồng hoa ở đường vào nhà máy và những khu vực đất trống, làm bê cá Koi, biểu tượng đoàn kết...
- Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước.

b. Một số chỉ tiêu tài chính đã thực hiện giai đoạn 2013 – 2021

<i>Đơn vị: Tr vnd</i>	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng Tài sản	2.402,368	2.330,976	2.236,169	2.219,320	2.143,23 3	2.061,376	1.912,010	1.840,850	1.710,047
Vay nợ dài hạn	1.610,559	1.541,692	1.460,683	1.318,890	1.221,88 6	1.231,336	1.107,878	978,601	828,870
Vốn chủ sở hữu	551,889	564,949	548,577	554,007	617,178	670,342	618,416	678,449	706,008
Vốn đầu tư của CSH	600,0	650,0	650,0	650,0	650,0	660,0	660,0	660,0	660,0
Sản lượng điện (Tr kWh)	293	306	271	296,47	382,3	337,6	220,16	326,21	263,28
Doanh thu	322,048	292,884	268,125	294,671	329,2	301,09	207,55	296,17	265,82
Giá vốn	139,980	143,620	140,484	138,769	112,7	112,336	114,999	114,789	112,841
Lợi nhuận gộp	182,068	149,263	127,640	155,901	216,5	188,730	92,556	181,382	152,984
Chi phí tài chính	217,984	174,587	140,090	137,765	139,622	131,399	125,224	115,019	114,917
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,695	10,292	8,962	8,211	9,956	9,829	8,828	5,135	6,380
Lợi nhuận sau thuế	(48,316)	(36,587)	(16,372)	10,747	63,171	43,164	-41,83	60,03	27,55

Có thể thấy mặc dù do biến động của thời tiết làm sản lượng điện của nhà máy các năm biến động thất thường, tình hình tài chính hàng năm vẫn mất cân đối vốn, tuy nhiên bức tranh của doanh nghiệp đang ngày càng tốt hơn qua từng năm được thể hiện qua tổng vay nợ giảm dần kéo theo đó chi phí tài chính cũng giảm dần; chi phí quản lý doanh nghiệp giảm.

3. Những tồn tại của HĐQT, Ban điều hành trong năm 2021

Đến hết năm 2021, Công ty vẫn đang mất cân đối thu chi. HĐQT và Ban điều hành cần khẩn trương tìm các biện pháp khắc phục tình trạng trên trong năm 2022.

HĐQT và Ban điều hành cần tiếp tục làm việc với các ngân hàng để giảm lãi suất hơn nữa hoặc tìm các nguồn tín dụng khác với lãi suất thấp hơn.

4. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên năm 2021

Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà quy định và những điều khoản ghi trong Luật doanh nghiệp.

Ban kiểm soát đã làm tròn chức năng, nhiệm vụ mà các nhà đầu tư đã tin tưởng giao cho, nhất là thực hiện nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh và sử dụng vốn; mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2021 với rất nhiều khó khăn và thách thức.

Trong năm 2021 thành viên ban kiểm soát có 3 người, BKS đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên như sau:

4.1. Ông Phạm Ngọc Tân – Trưởng Ban Kiểm soát

4.1.1: Nhiệm vụ được phân công:

- Phụ trách chung, điều phối hoạt động của BKS;
- Phụ trách theo dõi việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ hàng tháng của Ban lãnh đạo Công ty (HĐQT, BKS);
- Phụ trách giám sát công tác hạch toán kế toán, tài chính của Công ty;
- Công việc khác khi được phân công báo cáo và báo cáo những sự việc bất thường về mảng được phân công theo dõi cho Ban kiểm soát (Nếu có);
- Tổng hợp báo cáo của các thành viên BKS và lập báo cáo chung của BKS để gửi các thành viên.

4.1.2: Đánh giá hoạt động năm 2021: Hoàn thành nhiệm vụ.

4.2. Ông Nguyễn Anh Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát

4.2.1: Nhiệm vụ được phân công:

- Phụ trách giám sát các vấn đề về thủ tục pháp lý trong hoạt động của Công ty;
- Phụ trách giám sát các vấn đề liên quan đến cổ đông, cổ phần, cổ phiếu, các vấn đề liên quan đến thị trường chứng khoán (đăng ký công ty đại chúng, công bố thông tin...);
- Công việc khác khi được phân công và báo cáo những sự việc bất thường về mảng được phân công theo dõi cho Ban kiểm soát (nếu có).

4.2.2: Đánh giá hoạt động trong năm 2021: Hoàn thành nhiệm vụ.

4.3. Ông Đỗ Văn Chính – Thành viên Ban Kiểm soát

4.3.1: Nhiệm vụ được phân công:

- Phụ trách theo dõi công việc liên quan đến: nhân sự, chính sách về nhân sự, tình hình vận hành máy móc thiết bị, kỹ thuật thi công...
- Theo dõi tiến độ triển khai các hạng mục đầu tư;
- Công việc khác khi được phân công và báo cáo những sự việc bất thường về mảng được phân công theo dõi cho Ban kiểm soát (nếu có).

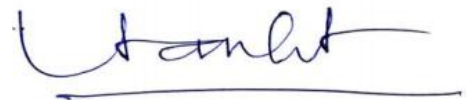
4.3.2: Đánh giá hoạt động trong năm 2021: Hoàn thành nhiệm vụ.

Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021 có sự nỗ lực của bản thân mỗi thành viên và cũng nhờ sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, toàn thể CBCNV Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà.

Thay mặt Ban kiểm soát, Tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty trong suốt năm vừa qua đã giúp Ban kiểm soát hoàn thành tốt công việc của mình..

Trân trọng báo cáo.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Ngọc Tân

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/1/2008 và điều lệ sửa đổi bổ sung lần 4 ngày 22/04/2021;

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC,

Theo đó, Báo cáo tài chính năm 2021 (kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC) đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời đăng trên website của Công ty tại địa chỉ: www.thuydienbachalaocai.com.vn. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 xem xét và thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC, bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán viên;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
5. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trong đó, một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính như sau:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Giá trị
1	Tổng tài sản	Đồng	1.710.047.064.367
2	Doanh thu thuần	Đồng	265.825.456.802
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	29.184.986.631
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	27.557.725.028

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UVHĐQT, BKS (email);
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đông Quốc Cường



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



aasc.com.vn

AASC AUDITING FIRM



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 30
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30



Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Địa chỉ: thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300240587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch	
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Thập	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2021)
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2021)
Ông Nguyễn Thành Hưng	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Tân	Trưởng ban	(Tiếp tục được bổ nhiệm ngày 22/04/2021)
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	(Tiếp tục được bổ nhiệm ngày 22/04/2021)
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên	(Tiếp tục được bổ nhiệm ngày 22/04/2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Địa chỉ: thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thành Hưng

Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 23 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà được lập ngày 23/03/2022 từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 160321.003/BCTC.KT2 ngày 16/03/2020 về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, chúng tôi đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc Công ty đã ghi nhận khoản lãi chậm trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 phát sinh giai đoạn trước năm 2019 với số tiền là 22,73 tỷ VND vào chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" mà không điều chỉnh hồi tố vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán tương ứng. Trong năm 2021, Công ty đã ghi nhận toàn bộ khoản lãi chậm trả này vào chỉ tiêu "Chi phí tài chính". Do ảnh hưởng của vấn đề này, trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2021, chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" (mã số 261) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) đang cùng phản ánh thừa số tiền là 22,73 tỷ VND; đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" (mã số 22) cũng đang phản ánh thừa với số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh 1, Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tình hình: Nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 150,7 tỷ VND (tại ngày 01/01/2021 là 147,9 tỷ VND); nợ quá hạn chưa thanh toán là 16,6 tỷ VND (Thuyết minh 9 và 12). Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 vẫn đang được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục vì các lý do được trình bày tại Thuyết minh 1.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		24.489.439.633	35.886.432.104
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.446.361.137	9.866.985.511
111	1. Tiền		1.446.361.137	9.866.985.511
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.528.637.335	25.559.807.571
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	15.272.992.043	15.198.499.695
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.500.132.437	5.831.982.437
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.755.512.855	4.529.325.439
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		514.441.161	459.639.022
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	514.441.161	459.639.022
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.685.557.624.734	1.804.964.359.601
220	I. Tài sản cố định		1.685.368.714.404	1.782.197.079.876
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.685.368.714.404	1.782.197.079.876
222	- Nguyên giá		2.606.741.917.785	2.602.682.512.785
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(921.373.203.381)	(820.485.432.909)
260	II. Tài sản dài hạn khác		188.910.330	22.767.279.725
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	188.910.330	22.767.279.725
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.710.047.064.367	1.840.850.791.705


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.004.039.416.183	1.162.400.868.549
310	I. Nợ ngắn hạn		175.169.241.531	183.799.421.170
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	3.783.709.859	13.559.797.115
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	14.706.254.140	12.989.465.254
314	3. Phải trả người lao động		903.473.655	797.646.133
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	10.000.000.000	19.067.693.090
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	29.625.727.936	16.814.181.566
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	115.950.075.941	120.370.638.012
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		200.000.000	200.000.000
330	II. Nợ dài hạn		828.870.174.652	978.601.447.379
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	11	24.120.000.000	34.120.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	12	-	7.727.272.727
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	804.750.174.652	936.754.174.652
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		706.007.648.184	678.449.923.156
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	706.007.648.184	678.449.923.156
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		660.000.000.000	660.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		660.000.000.000	660.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		200.000.000	200.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.807.648.184	18.249.923.156
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		18.249.923.156	(41.783.399.813)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		27.557.725.028	60.033.322.969
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.710.047.064.367	1.840.850.791.705


Hà Thị Thùy
Người lập biểu


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Lào Cai, ngày 23 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	265.825.456.802	296.171.269.275
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		265.825.456.802	296.171.269.275
11	3. Giá vốn hàng bán	17	112.840.991.595	114.789.377.699
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		152.984.465.207	181.381.891.576
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	18	453.085.599	386.799.627
22	6. Chi phí tài chính	19	114.917.016.520	115.019.907.338
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		92.010.528.853	114.551.277.199
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	6.380.247.119	5.134.771.818
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		32.140.287.167	61.614.012.047
31	9. Thu nhập khác	21	404.944.875	417.974.844
32	10. Chi phí khác	22	3.360.245.411	986.234.568
40	11. Lợi nhuận khác		(2.955.300.536)	(568.259.724)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.184.986.631	61.045.752.323
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	1.627.261.603	1.012.429.354
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>27.557.725.028</u>	<u>60.033.322.969</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	418	910


Hà Thị Thùy
Người lập biểu


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng




Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Lào Cai, ngày 23 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		29.184.986.631	61.045.752.323
	2. Điều chỉnh cho các khoản		192.445.213.726	214.183.497.332
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		100.887.770.472	100.019.019.760
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(453.085.599)	(386.799.627)
06	- Chi phí lãi vay		92.010.528.853	114.551.277.199
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		221.630.200.357	275.229.249.655
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.031.170.236	(3.949.852.690)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(977.016.479)	(2.578.095.708)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		22.523.567.256	2.536.224.564
14	- Tiền lãi vay đã trả		(104.941.911.918)	(125.913.717.072)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(505.311.802)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		141.266.009.452	144.818.496.947
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(13.715.157.354)	(3.054.557.320)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	7.000.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được		453.085.599	386.799.627
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.262.071.755)	4.332.242.307
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		59.660.718.487	49.752.308.851
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(196.085.280.558)	(190.238.968.518)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(136.424.562.071)	(140.486.659.667)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.420.624.374)	8.664.079.587
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.866.985.511	1.202.905.924
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.446.361.137	9.866.985.511

Hà Thị Thùy
Người lập biểu

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Lào Cai, ngày 23 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300240587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 660.000.000.000 VND, tương đương 66.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 50 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 55 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là: sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất truyền tải điện và phân phối điện.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tình hình: Nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 150,7 tỷ VND (tại ngày 01/01/2021 là 147,9 tỷ VND); nợ quá hạn chưa thanh toán là 16,6 tỷ VND (Thuyết minh 9 và 12). Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 vẫn đang được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục vì các lý do:

- Nhà máy thủy điện Bắc Hà hiện vẫn đang vận hành ổn định sẽ tiếp tục mang lại nguồn thu lớn cho Công ty trong các năm tiếp theo.
- Công ty sẽ tiếp tục nhận được các khoản cung cấp tín dụng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thanh toán các khoản nợ đến hạn.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 45 năm
- Máy móc thiết bị	12 - 15 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	12 - 20 năm

2.7. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là công cụ và dụng cụ, đây là các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.10. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16. Chi phí tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty thành lập dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, được hưởng ưu đãi thuế TNDN 10% trong 15 năm: từ năm 2012 đến hết năm 2026; được miễn thuế TNDN phải nộp trong 04 năm từ năm 2012 đến hết năm 2015; được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm từ năm 2016 đến năm 2024.

Năm 2021 sẽ là năm thứ chín Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập chịu thuế phát sinh từ dự án đầu tư.

2.18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20. Thông tin bộ phận

Trong năm, Công ty chỉ chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và phân phối điện năng tại khu vực miền Bắc (tỉnh Lào Cai). Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	13.119.623	36.479.627
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.433.241.514	9.830.505.884
	1.446.361.137	9.866.985.511

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.272.992.043	-	15.198.499.695	-
	15.272.992.043	-	15.198.499.695	-

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Trả trước cho người bán chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Licogi số 01	4.837.568.040	-	4.837.568.040	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	662.564.397	-	994.414.397	-
	5.500.132.437	-	5.831.982.437	-
b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan	4.837.568.040	-	4.837.568.040	-
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)				

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về tiền tạm ứng	354.960.899	-	1.888.148.670	-
Phải thu khác	1.400.551.956	-	2.641.176.769	-
- Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam ⁽¹⁾	1.232.739.668	-	2.614.027.995	-
- Phải thu khác	167.812.288	-	27.148.774	-
	1.755.512.855	-	4.529.325.439	-

⁽¹⁾ Khoản chi hộ tiền thuế tài nguyên và cấp quyền khai thác nước cho Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	514.441.161	459.639.022
	514.441.161	459.639.022
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	188.910.330	40.006.998
Chi phí lãi vay chậm trả ⁽¹⁾	-	22.727.272.727
	188.910.330	22.767.279.725

⁽¹⁾ Khoản chi phí lãi chậm trả liên quan đến công nợ quá hạn thanh toán với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 cho giai đoạn từ trước năm 2019 được xác định theo Biên bản làm việc và Phụ lục hợp đồng ký bổ sung Hợp đồng tổng thầu xây lắp số 03/2020/TĐBH-HĐXL ngày 28/08/2020 với tổng giá trị là 22,73 tỷ VND. Trong năm 2020, Công ty đã ghi nhận khoản tiền lãi căn cứ theo Phụ lục hợp đồng này và ghi nhận một khoản phải trả khác tương ứng (xem thuyết minh số 12). Trong năm 2021, Công ty đã quyết định ghi nhận toàn bộ số tiền lãi này vào chi phí hoạt động tài chính trong năm (xem thuyết minh số 19).

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải,	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.675.633.438.378	808.318.080.081	118.730.994.326	2.602.682.512.785
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.059.405.000	-	-	4.059.405.000
Số dư cuối năm	1.679.692.843.378	808.318.080.081	118.730.994.326	2.606.741.917.785
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	296.604.066.319	445.004.149.517	78.877.217.073	820.485.432.909
- Khấu hao trong năm	38.035.561.045	52.414.609.460	10.437.599.967	100.887.770.472
Số dư cuối năm	334.639.627.364	497.418.758.977	89.314.817.040	921.373.203.381
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.379.029.372.059	363.313.930.564	39.853.777.253	1.782.197.079.876
Tại ngày cuối năm	1.345.053.216.014	310.899.321.104	29.416.177.286	1.685.368.714.404

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.685.368.714.404 VND;

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.524.343.043 VND.

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 ⁽¹⁾	-	-	8.647.739.302	8.647.739.302
- Công ty Cổ phần Cosmos Toàn Cầu	-	-	1.008.013.052	1.008.013.052
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	986.008.779	986.008.779	986.008.779	986.008.779
- Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN	944.458.050	944.458.050	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	1.853.243.030	1.853.243.030	2.918.035.982	2.918.035.982
	3.783.709.859	3.783.709.859	13.559.797.115	13.559.797.115
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 ⁽¹⁾	-	-	8.647.739.302	8.647.739.302
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	986.008.779	986.008.779	986.008.779	986.008.779
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529	619.248.529	619.248.529
	1.605.257.308	1.605.257.308	10.252.996.610	10.252.996.610
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)	1.605.257.308	1.605.257.308	1.605.257.308	1.605.257.308

⁽¹⁾ Như trình bày tại các thuyết minh số 07 và số 12, khoản lãi chậm trả phát sinh liên quan đến việc chậm thanh toán công nợ trên cho giai đoạn trước năm 2019 đã được thống nhất giá trị là 22,73 tỷ VND theo Biên bản làm việc và Phụ lục hợp đồng ký bổ sung Hợp đồng tổng thầu xây lắp số 03/2020/TĐBH-HĐXL ngày 28/08/2020.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Điều chỉnh theo thư tra soát ⁽¹⁾	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	9.496.003.127	29.481.170.443	31.613.093.964	(414.671.017)	-	6.949.408.589
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.284.408.746	1.627.261.603	-	(1.012.429.354)	-	1.899.240.995
Thuế thu nhập cá nhân	-	49.418.745	179.661.873	99.092.242	(104.054.089)	-	25.934.287
Thuế tài nguyên	-	2.140.894.902	27.100.432.947	24.962.551.774	1.540.740.955	-	5.819.517.030
Các loại thuế khác	-	18.739.734	16.154.930.158	16.151.930.158	(9.586.495)	-	12.153.239
	-	12.989.465.254	74.543.457.024	72.826.668.138	-	-	14.706.254.140

⁽¹⁾ Trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh nghĩa vụ thuế theo thư tra soát gửi Chi cục thuế tỉnh Lào Cai. Hiện nay, nghĩa vụ thuế đã được điều chỉnh trên hệ thống phần mềm theo dõi của cơ quan thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Trích trước chi phí sửa chữa	-	960.000.000
Chi phí lãi vay	10.000.000.000	18.107.693.090
- <i>Lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long</i>	-	8.107.693.090
- <i>Lãi ân hạn phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽¹⁾</i>	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.000.000.000	19.067.693.090
b) Dài hạn		
Chi phí lãi vay ân hạn	24.120.000.000	34.120.000.000
- <i>Lãi ân hạn phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽¹⁾</i>	24.120.000.000	34.120.000.000
	24.120.000.000	34.120.000.000

⁽¹⁾ Tại ngày 31/12/2021, khoản lãi vay ân hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long năm 2012 với số tiền 34,12 tỷ VND gồm: 10 tỷ VND có thời hạn thanh toán vào tháng 12/2022; 20 tỷ VND có lịch thanh toán 10 tỷ VND vào cuối mỗi năm tiếp theo và 4,12 tỷ VND trả lần cuối vào tháng 12/2025, được xác định theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10/PLTD-BH/2017, theo Phụ lục này khoản lãi vay trên không bị tính lãi.

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	213.368.412	179.536.124
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	8.255.707	129.266.668
Thuế GTGT phải nộp ⁽ⁱ⁾	1.500.521.065	1.505.378.774
Lãi vay phải trả	27.903.582.752	15.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 ⁽ⁱⁱ⁾	22.727.272.727	15.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	5.176.310.025	-
	29.625.727.936	16.814.181.566
b) Dài hạn		
- Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 ⁽ⁱⁱ⁾	-	7.727.272.727
	-	7.727.272.727
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 ⁽ⁱⁱ⁾	15.000.000.000	7.500.000.000
	15.000.000.000	7.500.000.000

⁽ⁱ⁾ Số dư đầu năm là thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện chưa phát hành hóa đơn tháng 12 năm 2020 đã xuất hóa đơn năm nay, số dư cuối năm là tiền thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện chưa phát hành hóa đơn tháng 12 năm 2021.

⁽ⁱⁱ⁾ Như đã trình bày tại các thuyết minh số 07 và số 09, đây là khoản lãi phải trả phát sinh do chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 theo Biên bản làm việc và Phụ lục hợp đồng ký bổ sung Hợp đồng tổng thầu xây lắp số 03/2020/TĐBH-HĐXL ngày 28/08/2020 với tổng giá trị được thống nhất là 22,73 tỷ VND. Trong đó, số tiền lãi vay chậm trả đã quá hạn thanh toán từ ngày 31/12/2021 là 15 tỷ VND; phần còn lại là 7,7 tỷ VND hạn thanh toán đến 31/12/2022.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam năm 2021 theo thông báo số 666/NHNo.TL-KHDN ngày 07/04/2021.

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	2.366.638.012	2.366.638.012	59.660.718.487	44.081.280.558	17.946.075.941	17.946.075.941
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	118.004.000.000	118.004.000.000	98.004.000.000	118.004.000.000	98.004.000.000	98.004.000.000
	120.370.638.012	120.370.638.012	157.664.718.487	162.085.280.558	115.950.075.941	115.950.075.941
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	1.054.758.174.652	1.054.758.174.652	-	152.004.000.000	902.754.174.652	902.754.174.652
	1.054.758.174.652	1.054.758.174.652	-	152.004.000.000	902.754.174.652	902.754.174.652
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(118.004.000.000)	(118.004.000.000)			(98.004.000.000)	(98.004.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	936.754.174.652	936.754.174.652			804.750.174.652	804.750.174.652

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

Loại tiền	Hợp đồng vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2021	01/01/2021
							VND	VND
Vay ngắn hạn							17.946.075.941	2.366.638.012
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào	VND 12054/20MB/HĐT D ngày 14/01/2021	Thả nổi	1 năm	14/01/2022	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	17.946.075.941	2.366.638.012
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả							98.004.000.000	118.004.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	VND 01/HĐTĐ-BH/2006 ngày 30/10/2006	Thả nổi	162 tháng	2027	Đầu tư nhà máy thủy điện	Tài sản hình thành từ dự án đầu tư	66.000.000.000	86.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	VND 05/2006/HĐTĐ ngày 27/12/2006	Thả nổi	168 tháng	2027	Đầu tư nhà máy thủy điện	Tài sản hình thành từ dự án đầu tư	32.004.000.000	32.004.000.000
							115.950.075.941	120.370.638.012

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Hợp đồng vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2021	01/01/2021
								VND	VND
Vay dài hạn									
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	VND	01/HĐTD-BH/2006 ngày 30/10/2006	Thả nổi	162 tháng	2027	Đầu tư nhà máy thủy điện	Tài sản hình thành từ dự án đầu tư	619.698.469.787	739.698.469.787
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	VND	05/2006/HĐTD ngày 27/12/2006	Thả nổi	168 tháng	2027	Đầu tư nhà máy thủy điện	Tài sản hình thành từ dự án đầu tư	283.055.704.865	315.059.704.865
								902.754.174.652	1.054.758.174.652
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng								(98.004.000.000)	(118.004.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng								804.750.174.652	936.754.174.652

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	200.000.000	(41.783.399.813)	618.416.600.187
Lãi trong năm trước	-	-	60.033.322.969	60.033.322.969
Số dư cuối năm trước	<u>660.000.000.000</u>	<u>200.000.000</u>	<u>18.249.923.156</u>	<u>678.449.923.156</u>
Lãi trong năm nay	-	-	27.557.725.028	27.557.725.028
Số dư cuối năm nay	<u>660.000.000.000</u>	<u>200.000.000</u>	<u>45.807.648.184</u>	<u>706.007.648.184</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng công ty Licogi - CTCP	291.130.830.000	44,11%	291.130.830.000	44,11%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	159.666.000.000	24,19%	159.666.000.000	24,19%
Các cổ đông khác	209.203.170.000	31,70%	209.203.170.000	31,70%
	<u>660.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>660.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	660.000.000.000	660.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	660.000.000.000	660.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	200.000.000	200.000.000
	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>

15. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 314/HĐTĐ ngày 09 tháng 09 năm 2008 với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai để sử dụng với mục đích xây dựng thủy điện Bắc Hà từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến ngày 30 tháng 12 năm 2047. Diện tích khu đất thuê là 8.274.121 m² bao gồm các huyện: Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-CT ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Lào Cai về việc miễn tiền thuê đất, Công ty được miễn tiền thuê đất trong 19 năm từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2026 tương ứng với số tiền là 90.711.663.000 VND.

16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	265.825.456.802	296.171.269.275
	265.825.456.802	296.171.269.275

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	112.840.991.595	114.789.377.699
	112.840.991.595	114.789.377.699

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	453.085.599	386.799.627
	453.085.599	386.799.627

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	92.010.528.853	114.551.277.199
Lãi chậm trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 ⁽¹⁾	22.727.272.727	-
Chi phí tài chính khác	179.214.940	468.630.139
	114.917.016.520	115.019.907.338

⁽¹⁾ Lãi chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Licogi số 18 (xem thuyết minh số 07).

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.741.838.438	3.660.441.249
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí khác bằng tiền	1.635.408.681	1.471.330.569
	6.380.247.119	5.134.771.818

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền bồi thường bảo hiểm	340.888.893	359.721.860
Thu nhập khác	64.055.982	58.252.984
	404.944.875	417.974.844

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Xử lý công nợ tạm ứng ⁽ⁱ⁾	1.802.340.667	-
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm ⁽ⁱⁱ⁾	666.634.744	866.234.568
Các khoản khác	891.270.000	120.000.000
	3.360.245.411	986.234.568

⁽ⁱ⁾ Xử lý các khoản công nợ tạm ứng không hoàn được chứng từ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 80/2021/NQ-BHHC-HĐQT ngày 02/04/2021.

⁽ⁱⁱ⁾ Tiền chậm nộp thuế theo thông báo số 7001/TB-CT ngày 17/05/2021 của Chi cục thuế tỉnh Lào Cai.

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	29.184.986.631	61.045.752.323
Các khoản điều chỉnh tăng	3.360.245.411	237.541.641
- Chi phí không được trừ	3.360.245.411	237.541.641
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(41.034.706.884)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(41.034.706.884)
Thu nhập chịu thuế TNDN	32.545.232.042	20.248.587.080
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất ưu đãi 10%)	3.254.523.204	2.024.858.708
Thuế TNDN được giảm trong năm	(1.627.261.602)	(1.012.429.354)
Thuế TNDN phải nộp trong năm	1.627.261.603	1.012.429.354
Bù trừ thuế TNDN nộp thừa với thuế tài nguyên	(1.012.429.354)	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.284.408.746	777.291.194
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(505.311.802)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.899.240.995	1.284.408.746

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	27.557.725.028	60.033.322.969
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	27.557.725.028	60.033.322.969
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	66.000.000	66.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	418	910

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	9.361.660.546	11.522.280.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.887.770.472	100.019.019.760
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.333.399.015	6.438.695.114
Chi phí khác bằng tiền	1.635.408.681	1.941.154.070
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	119.221.238.714	119.924.149.517

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.446.361.137	-	9.866.985.511	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.028.504.898	-	19.727.825.134	-
	18.474.866.035	-	29.594.810.645	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	920.700.250.593	1.057.124.812.664
Phải trả người bán, phải trả khác	33.409.437.795	38.101.251.408
Chi phí phải trả	34.120.000.000	53.187.693.090
	988.229.688.388	1.148.413.757.162

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền	1.446.361.137	-	-	1.446.361.137
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.028.504.898	-	-	17.028.504.898
	18.474.866.035	-	-	18.474.866.035
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền	9.866.985.511	-	-	9.866.985.511
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.727.825.134	-	-	19.727.825.134
	29.594.810.645	-	-	29.594.810.645

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	115.950.075.941	595.020.000.000	209.730.174.652	920.700.250.593
Phải trả người bán, phải trả khác	33.409.437.795	-	-	33.409.437.795
Chi phí phải trả	10.000.000.000	24.120.000.000	-	34.120.000.000
	159.359.513.736	619.140.000.000	209.730.174.652	988.229.688.388
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	120.370.638.012	505.010.000.000	431.744.174.652	1.057.124.812.664
Phải trả người bán, phải trả khác	30.373.978.681	7.727.272.727	-	38.101.251.408
Chi phí phải trả	19.067.693.090	34.120.000.000	-	53.187.693.090
	169.812.309.783	546.857.272.727	431.744.174.652	1.148.413.757.162

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn và các nguồn lực tài chính khác.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	Cùng Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Cùng Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	Cùng Cổ đông lớn

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:


	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.837.568.040	4.837.568.040
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	4.837.568.040	4.837.568.040
Phải trả cho người bán ngắn hạn	1.605.257.308	1.605.257.308
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	986.008.779	986.008.779


Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020	
	VND	VND	
Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch Hội đồng quản trị	171.000.000	88.500.000
Ông Phan Thanh Hải	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	143.000.000	76.500.000
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị	115.000.000	64.500.000
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên Hội đồng quản trị	43.000.000	64.500.000
Ông Nguyễn Danh Quân	Thành viên Hội đồng quản trị	115.000.000	64.500.000
Ông Nguyễn Văn Thập	Thành viên Hội đồng quản trị	43.000.000	64.500.000
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	764.103.457	507.581.329
Ông Trần Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	502.493.050	368.766.924
Ông Phạm Ngọc Tân	Trưởng Ban kiểm soát	115.000.000	64.500.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	87.000.000	52.500.000
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên Ban kiểm soát	87.000.000	40.500.000


29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.


Hà Thị Thùy
Người lập biểu


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng




Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Lào Cai, ngày 23 tháng 03 năm 2022



Số: 104/2022/TTr-BHHC-BKS

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà (BHHC) kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của BHHC như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty đại chúng niêm yết năm 2022;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các Công ty đại chúng, Công ty niêm yết;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán, đặc biệt với các Công ty có tổng tài sản lớn như BHHC;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của BHHC về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý so với chất lượng kiểm toán mang lại.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà kính đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua danh sách các Công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

- Công ty TNHH hãng kiểm toán (AASC);
- Công ty TNHH kiểm toán Quốc Tế (ICPA);
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C;
- Công ty TNHH kiểm toán CPA.

3. Đề xuất về việc lựa chọn Công ty kiểm toán

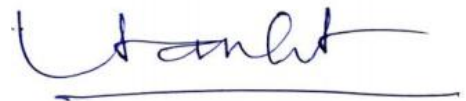
- Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các tiêu chí lựa chọn và danh sách các Công ty kiểm toán như trên;
- Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện việc lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Ngọc Tân

Số: 91/2022/TTr-BHHC-HĐQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua quyết toán thù lao năm 2021 và dự toán thù lao năm 2022 cho các thành viên HĐQT và BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà đã được Đại hội đồng cổ đông sáng lập thông qua ngày 28/01/2008 và điều lệ sửa đổi bổ sung lần 4 ngày 22/04/2021 được ĐHĐCĐ thông qua,

Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao năm 2021 và dự toán thù lao năm 2022 cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

I. Quyết toán thù lao năm 2021 cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

Thù lao năm 2021 đã chi trả:	1.015.000.000 VNĐ;
Trong đó:	
- Thù lao HĐQT:	726.000.000 VNĐ
- Thù lao Ban kiểm soát:	289.000.000 VNĐ

II. Dự toán thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022

Mức thù lao của HĐQT và BKS trước thuế TNCN như sau:

TT	Chức danh	Mức thù lao/tháng (đồng)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	12.000.000	Kiểm nhiệm
2	Phó chủ tịch HĐQT	10.000.000	Kiểm nhiệm
3	Thành viên HĐQT	8.000.000	Kiểm nhiệm
4	Trưởng BKS	8.000.000	Chuyên trách
5	Thành viên BKS	6.000.000	Kiểm nhiệm

III. Các nội dung khác

- Các chi phí khác phục vụ cho hoạt động của HĐQT, BKS và lương của cán bộ trong các tiểu ban giúp việc (nếu có), HĐQT Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT phê duyệt. Các chi phí này được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Ngoài ra các thành viên HĐQT, BKS và các cán bộ trong các tiểu ban giúp việc (nếu có) còn được hưởng các chế độ khác theo quy định của Công ty.

Kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét, phê duyệt.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- UVHĐQT, BKS (email);
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Số: 90/2022/TTr-BHHC-HĐQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/01/2008 và điều lệ sửa đổi bổ sung lần 4 được ĐHĐCĐ thông qua ngày 22/04/2021;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC,

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã kiểm toán,

Hội đồng quản trị (HDQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận:

Đơn vị: đồng

1	Lợi nhuận sau thuế 2021	27,557,725,028
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến năm 2020 chuyển sang	18,249,923,156
3	Lợi nhuận năm 2021 dùng để phân phối [(1)+(2)]	45,807,648,184
4	Trích lập quỹ dự phòng tài chính	200,000,000
5	Trích lập quỹ phúc lợi, khen thưởng	200,000,000
6	Lợi nhuận còn lại sau thuế để chia cổ tức [(3)-(4)-(5)]	45,407,648,184
7	Chi cổ tức cho các cổ đông (5%)	33,000,000,000
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm sau	12,407,648,184

2. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HDQT căn cứ vào thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty quyết định thời gian chi trả cổ tức năm 2021 theo phương án trên.

Kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét, phê duyệt.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- UVHDQT, BKS (email);
- Lưu HDQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đông Quốc Cường

Số: 103/2022/TTr-BHHC-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ
Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về việc: “Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng”;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/1/2008 (Điều lệ năm 2008); Điều lệ sửa đổi bổ sung lần 4 ngày 22/04/2021,

Nhằm tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời bổ sung, sửa đổi những nội dung phù hợp với thực tiễn quản trị và điều hành, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức rà soát Điều lệ Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà kính trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà, cụ thể như sau:

I. Nguyên tắc sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ được tiến hành đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau: Các nội dung của dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và thông tư 116/2020-BTC có hiệu lực 15 tháng 02 năm 2021.

II. Đề xuất

Để đảm bảo việc sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà hiện hành tuân thủ quy định tại Luật doanh nghiệp 2020, cũng như phù hợp với những quy định hiện hành có liên quan, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty năm 2022 như sau:

1. Thông qua nội dung dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty năm 2022

(Xin gửi dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty năm 2022 kèm theo)

2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa chữa chính tả, bổ sung các nội dung được thông qua tại ĐHĐCĐ và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và đăng ký bản Điều lệ này tại cơ quan nhà nước theo quy định.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- UVHĐQT, BKS (email);
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đông Quốc Cường

**DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ**

*(Kèm theo tờ trình số 103/2022/TTr-BHHC-HĐQT ngày 25 tháng 03 năm 2022 của HĐQT
Công ty CP TED Bắc Hà)*

TT	Vị trí dự thảo	Điều lệ năm 2021 (Điều lệ sửa đổi bổ sung lần 4)	Dự thảo Điều lệ năm 2022 (Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 5)	Giải trình lý do sửa đổi, bổ sung
1.	<i>Sửa đổi điểm d khoản 1 điều 1</i>	d. ...kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014	d. ...kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
2.	<i>Sửa đổi điểm h khoản 1 điều 1</i>	h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;	h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
3.	<i>Sửa đổi điểm h khoản 2 điều 11</i>	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp;	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp;	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
4.	<i>Sửa đổi khoản 3 điều 11</i>	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 05% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
5.	<i>Sửa đổi điểm b khoản 3 điều 11</i>	b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.	b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát, trừ tài liệu liên quan bí mật đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;	<i>Bổ sung cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
6	<i>Bổ sung điểm c khoản 5 điều 11</i>	c. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được	c. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển	<i>Bổ sung cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>

		chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.	nhượng cổ phần đó cho người khác. Trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.	
7	<i>Bổ sung khoản 7 điều 12</i>		7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	<i>Bổ sung cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
8	<i>Sửa đổi khoản 1 điều 13</i>	1. Đại hội đồng cổ đông ... thúc năm tài chính.	1.Đại hội đồng cổ đông ... thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định ra hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	<i>Sửa đổi cho phù hợp Thông tư 116/2020-BTC</i>
9	<i>Sửa đổi điểm b khoản 4 điều 13</i>	4.b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản Error! Reference source not found. Error! Reference source not found. thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;	4.b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản Error! Reference source not found. Error! Reference source not found. thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
10	<i>Sửa đổi điểm c khoản 4 điều 13</i>	4.c Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ	4.c Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>

		đồng có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	
11	<i>Sửa đổi điểm g khoản 2 điều 14</i>	2.g. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;	2.g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
12	<i>Sửa đổi điểm o khoản 2 điều 14</i>	2.o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp ...	2.o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp ..	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
13	<i>Bổ sung điểm p khoản 2 điều 14</i>		2.p. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;	<i>Bổ sung cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
14	<i>Bổ sung điểm q khoản 2 điều 14</i>		2.q. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;	<i>Bổ sung cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
15	<i>Sửa đổi khoản 2 điều 15</i>	2.Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	2.Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
16	<i>Sửa đổi khoản 3 điều 17</i>	3.....Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông,...	3.....Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông,...	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
17	<i>Sửa đổi điểm b</i>	b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc	b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ	<i>Sửa đổi cho phù hợp với</i>

	<i>khoản 5 điều 17</i>	nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Error! Reference source not found. Điều lệ này;	đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3 Error! Reference source not found. Điều lệ này;	<i>luật doanh nghiệp 2020</i>
18	<i>Sửa đổi khoản 1 điều 18</i>	1.Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	1.Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
19	<i>Sửa đổi khoản 4 điều 20</i>	4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;	4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này;	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
20	<i>Sửa đổi khoản 5 điều 20</i>	5.Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;	5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
21	<i>Sửa đổi điều 21</i>	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (kể cả các vấn đề nêu tại khoản 2 điều 143 Luật doanh nghiệp) được thực hiện theo quy định sau đây	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (kể cả các vấn đề nêu tại khoản 2 điều 147 Luật doanh nghiệp) được thực hiện theo quy định sau đây	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>

22	<i>Sửa đổi khoản 2 điều 21</i>	2...Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp	2...Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
23	<i>Bổ sung khoản 1 điều 22</i>		1....Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	<i>Bổ sung cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
24	<i>Sửa đổi điều 23</i>	...kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp...	...kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp...	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
25	<i>Sửa đổi khoản 1 điều 23</i>	1.Trình tự...của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp	1.Trình tự của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
26	<i>Sửa đổi khoản 3 điều 24</i>	3.Trường hợp ... quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật doanh nghiệp	3.Trường hợp ...quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
27	<i>Sửa đổi khoản 2 điều 25</i>	2.Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị... và từ 80% đến dưới 90%	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp.	<i>Sửa đổi cho phù hợp Thông tư 116/2020-BTC</i>

		được đề cử tối đa mười (10) ứng viên.		
28	<i>Sửa đổi khoản 3 điều 25</i>	3... Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có quyền yêu cầu...	3... Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu...	<i>Sửa đổi cho phù hợp với điều 11 điều lệ và luật doanh nghiệp 2020</i>
29	<i>Sửa đổi điểm o khoản 2 điều 26</i>	2.o. Quyết định ...quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp;	2.o Quyết định....quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
30	<i>Sửa đổi điểm r khoản 2 điều 26</i>	2.r. Thông qua hợp ... tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp;	2.r. Thông qua hợp ... tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
31	<i>Sửa đổi điểm c khoản 3 điều 26</i>	c...Trong phạm vi quy định tại khoản 2 điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 162 Luật Doanh nghiệp phải...	c...Trong phạm vi quy định tại khoản 2 điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 167 Luật Doanh nghiệp phải...	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
32	<i>Sửa đổi khoản 5 điều 26</i>	5.Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, ... Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.	5.Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, ... Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
33	<i>Sửa đổi khoản 1 điều 30</i>	1. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	1.Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
34	<i>Bổ sung khoản 4 điều 30</i>		4.Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham	<i>Bổ sung cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>

			dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	
35	<i>Sửa đổi khoản 2 điều 34</i>	2.Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại điều 65 của Luật doanh nghiệp.	2.Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại điều 64 của Luật doanh nghiệp.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
36	<i>Sửa đổi khoản 1 điều 36</i>	1...Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.	1...Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp...	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
37	<i>Sửa đổi khoản 2 điều 36</i>	2.Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ...,từ 70% trở lên được đề cử tối đa năm (5) ứng viên.	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	<i>Sửa đổi cho phù hợp Thông tư 116/2020-BTC</i>
38	<i>Sửa đổi khoản 1 điều 37</i>	1.Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp.	1.Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
39	<i>Sửa đổi điểm k khoản 1 điều 37</i>	1.k..cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp;..	1.k..cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
40	<i>Sửa đổi điểm l khoản 1 điều 37</i>	1.l..Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp,..	1.l..Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp,	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
41	<i>Sửa đổi điểm n khoản 1 điều 37</i>	1.n.Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì...	1.n.Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp thì...	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
42	<i>Sửa đổi</i>	1. Cổ đông hoặc	2. Cổ đông phổ	<i>Sửa đổi cho</i>

	<i>khoản 1 điều 42</i>	nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	<p>thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kiểm tra giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này;</p>	<i>phù hợp với thông tư 116/2020-BTC</i>
43	<i>Sửa đổi khoản 1 điều 45</i>	1. Quỹ dự phòng tài chính, được trích lập mỗi năm một lần, mỗi lần không vượt quá 10% lợi nhuận sau thuế của Công ty, và được trích lập cho đến khi bằng 25% vốn điều lệ của Công ty;	1. Quỹ dự phòng tài chính, được trích lập mỗi năm một lần, mỗi lần không vượt quá 10% lợi nhuận sau thuế của Công ty.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ - BHH
(Sửa đổi, bổ sung lần 5)

Hà Nội, Ngày tháng năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 9. Thu hồi cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	14
Điều 16. Thay đổi các quyền	15
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	27
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 30. Biên bản họp Hội đồng quản trị	31
Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	32
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	32
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 33. Cán bộ quản lý	32
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	32
Điều 35. Thư ký Công ty	33

IX. BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát	34
Điều 37. Ban kiểm soát	35
Điều 38. Trách nhiệm của Kiểm soát viên	37
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	37
Điều 39. Trách nhiệm cần trọng	37
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	38
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	38
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	39
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI	
40	
Điều 43. Công nhân viên, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty ...	40
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	40
Điều 45. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	41
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	41
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 47. Nguồn tài trợ bổ sung vốn điều lệ	41
Điều 48. Năm tài chính	41
Điều 49. Chế độ kế toán	42
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	42
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	42
Điều 51. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	43
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
Điều 52. Kiểm toán	43
XVII. CON DẤU	43
Điều 53. Con dấu	43
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	43
Điều 54. Chấm dứt hoạt động	43
Điều 55. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	44
Điều 56. Gia hạn hoạt động	44
Điều 57. Thanh lý	44
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	45
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ	45
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	45
Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	45
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	45
Điều 60. Ngày hiệu lực	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại Hà Nội.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. Công ty là Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà (BHHC)
 - b. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và được quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - c. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty.
 - d. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - f. "Người quản lý" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty.
 - g. "Cán bộ quản lý" là các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - j. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà.
- Tên tiếng Anh: Bac Ha Hydropower Joint Stock Company.
- Tên giao dịch: Công ty Thủy điện Bắc Hà
- Tên viết tắt: BHHC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
- Điện thoại: +84 020 6294668
- Fax: +84 020 6268606
- [E-mail]: nhamaythuydienbacha@gmail.com
- Website: www.thuydienbachalaocai.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép;

5. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty;

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buru điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, xây dựng công trình cấp thoát nước; Đầu tư kinh doanh các công trình điện vừa và nhỏ.
2	Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp. Sản xuất kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu xây dựng.
3	Sản xuất, truyền tải, phân phối điện.
4	Nghiên cứu, thí nghiệm, hiệu chỉnh, sản xuất thiết bị điện và đào tạo cán bộ, công nhân vận hành nhà máy thủy điện.
5	Tiếp nhận, vận tải vật tư thiết bị.
6	Kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng.
7	Khai thác, lọc nước, phục vụ sinh hoạt, công nghiệp và các mục đích khác.
8	Kinh doanh dịch vụ khách sạn-du lịch.
9	Đầu tư tài chính vào các ngành nghề thuộc lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đã đăng ký.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Kinh doanh có hiệu quả và bảo toàn vốn của các cổ đông;
- Hoạt động theo đúng các mục tiêu, ngành nghề đã đăng ký kinh doanh theo chiến lược phát triển của Công ty;
- Tạo môi trường lao động, làm việc an toàn, đảm bảo đời sống của cán bộ, công nhân viên Công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 660.000.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 66.000.000 (sáu mươi sáu triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/1 cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

- Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
- Cổ phần ưu đãi cổ tức;
- Cổ phần ưu đãi hoàn lại.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Sổ chứng nhận quyền sở hữu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Sổ chứng nhận quyền sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân (hoặc số hộ chiếu) còn hiệu lực của người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Đối với loại cổ phần được tự do chuyển nhượng do Công ty phát hành nhưng chưa lưu ký tại các Tổ chức lưu ký chứng khoán có thẩm quyền, cổ đông thực hiện giao dịch nhằm chuyển quyền sở hữu phải nộp hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu lên Công ty trong thời hạn ba mươi ngày (30) ngày kể từ ngày thực hiện giao dịch, quá thời hạn nêu trên Công ty sẽ không chịu trách nhiệm về những rủi ro có liên quan.

4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (2) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày cổ đông nộp đầy đủ hồ sơ xin cấp lại sổ chứng nhận quyền sở hữu cổ phần, Hội đồng quản trị Công ty sẽ căn cứ vào sổ theo dõi cổ đông của Công ty và các giấy tờ có liên quan để xem xét việc cấp lại sổ chứng nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông. Cổ đông phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc xin cấp sổ chứng nhận quyền sở hữu cổ phần theo quy định tại điều này.

6. Cổ đông phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc xin cấp sổ chứng nhận quyền sở hữu cổ phần theo quy định tại điều này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Công ty có thể phát hành chứng chỉ trái phiếu và các chứng chỉ chứng khoán khác trên cơ sở Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật hiện hành. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (7) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi theo đường bưu điện đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Địa chỉ để gửi thông báo trong trường hợp này được sử dụng theo địa chỉ mà cổ đông đăng ký với Công ty khi mua cổ phần. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty áp dụng mô hình dưới đây:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, hội nghị trực tuyến, qua điện thoại hoặc bằng các hình thức khác mà pháp luật cho phép. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 VII.Điều 25 và Khoản 2 IX.Điều 36 Điều lệ này;

b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 4 điều này;

d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số

quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ đông và hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Cổ phần ưu đãi biểu quyết và quyền của cổ đông ưu đãi biểu quyết

a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông, số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều lệ công ty quy định.

b. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:

- Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5 Điều này.

c. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác. Trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

6. Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông ưu đãi cổ tức

a. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng, cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

b. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:

- Nhận cổ tức theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này;

- Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty, sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản;

- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 6 Điều này.

c. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

7. Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông ưu đãi hoàn lại

a. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

b. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 7 Điều này.

c. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo quy định.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (1) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. **Hội đồng quản trị quyết định ra hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.**

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một phần ba (1/3) so với số đầu kỳ;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản

trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - f. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - h. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - e. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- p. **Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;**
- q. **Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;**
- r. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm p Khoản 2 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. **Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có chữ ký theo quy định sau đây:**
- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông được cử người đại diện theo ủy quyền với số lượng không hạn chế;
- Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

d. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

- b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại lần hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự

định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 điều 17 Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp Phó chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- d. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

9. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

10. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

11. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

14. Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- b. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- c. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- d. Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- f. Tổ chức lại, giải thể công ty;

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này;

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (kể cả các vấn đề nêu tại khoản 2 điều 147 Luật doanh nghiệp) được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ

đồng trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết, quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

2. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, **nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp** có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, **trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp**;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo **quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp**, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (5) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (5) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị đó. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng

quản trị nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trong trường hợp tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của các cổ đông thay đổi do phát hành tăng vốn điều lệ Công ty hoặc vì bất kỳ một lý do hợp pháp nào khác không trái quy định của pháp luật Việt nam. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty để bầu lại các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được bầu lại là nhiệm kỳ còn lại của Hội đồng quản trị trước đó.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (6) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Thành viên đó đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác.

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

9. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của cùng một công ty đại chúng.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

e. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

f. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

h. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

i. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

j. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

k. Quyết định giá chào bán trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

l. Chỉ định, bổ nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, quyết định mức lương và điều kiện làm việc của Đại diện thương mại Công ty và Luật sư Công ty;

m. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;

- p. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- q. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- r. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, **tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;**
- s. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- t. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- u. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- v. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- w. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - Thành lập các công ty con của Công ty;
 - Trong phạm vi quy định tại khoản 2 điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn,** Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
 - Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch kinh doanh và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần Công ty đã phát hành;
 - Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 5.** Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong

trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

7. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

9. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

10. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

11. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một (1) Chủ tịch và một (1) Phó chủ tịch (nếu thấy cần thiết).

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản. Trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền cho Phó chủ tịch thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ thực hiện biểu quyết theo đa số việc chỉ định Phó Chủ tịch hoặc một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

1. Thành viên Hội đồng quản trị có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người không phải thành viên Hội đồng quản trị nhưng được Hội đồng quản trị phê chuẩn làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.

2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế trong trường hợp thành viên này không có mặt tại Việt Nam.

3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị được tái bổ nhiệm, nếu không có quy định khác thì việc chỉ định thành viên thay thế vẫn được duy trì trong nhiệm kỳ tiếp theo.

4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về mọi hoạt động của mình khi thực hiện nhiệm vụ của thành viên thay thế.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tiến hành tổ chức cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ để bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch trong số các thành viên Hội đồng quản trị và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền chậm nhất trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (1) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. Việc bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch được thực hiện theo nguyên tắc quyết định theo đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (7) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (1) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý;
- c. Ít nhất hai (2) thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều 29 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 29 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (5) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ

chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều này.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều 29, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều 29, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết

bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ. Trường hợp thành viên nêu trên là chủ tọa cuộc họp thì các thành viên còn lại sẽ quyết định vấn đề theo đa số;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 12 Điều 29 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

16. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của

tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

17. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

18. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 30. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản trị của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản trị chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một (1) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Tùy vào từng giai đoạn, Công ty có thể có Đại diện thương mại và Luật sư. Hội đồng quản trị có quyền ra quyết định chỉ định, bổ nhiệm, bãi nhiệm và quyết định mức lương và điều kiện làm việc của Tổng giám đốc, Đại diện thương mại và Luật sư Công ty và các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý.

Điều 33. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mãn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Cán bộ quản lý của Công ty bao gồm các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và một số chức danh khác theo đề nghị của Tổng giám đốc và được Hội đồng quản trị phê chuẩn

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (5) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. **Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại điều 64 của Luật doanh nghiệp.**

3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

d. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt nhất theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

e. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

f. Vào tuần đầu tiên của tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (5) năm;

g. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

j. Trình Hội đồng quản trị Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán chậm nhất ba mươi lăm (35) ngày trước ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán phải bao gồm (nhưng không hạn chế) các tài liệu sau: thư quản lý, các ý kiến của kiểm toán viên, Báo cáo tài chính sau kiểm toán theo thông lệ chung về kiểm toán báo cáo tài chính;

k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một (1) Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Thư ký Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định một (1) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
3. Tham dự các cuộc họp;
4. Lập biên bản, nghị quyết các cuộc họp;
5. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty tối thiểu là ba (3) thành viên và tối đa là năm (5) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (1) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty hoặc là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- b. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- c. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- e. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- f. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- g. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- h. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban điều hành công ty;
- i. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;
- j. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- k. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;

1. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

m. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

n. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

o. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty;

p. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

q. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

r. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 38. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác;

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

c. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kiểm tra giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội

đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Công ty có nghĩa vụ cung cấp Điều lệ Công ty cho các cổ đông. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ Công ty phải được công bố trên website.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 43. Công nhân viên, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

3. Công ty đảm bảo và tạo điều kiện cho hoạt động của Công đoàn người lao động trong Công ty và các tổ chức xã hội, chính trị trong Công ty;

4. Các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, nội quy lao động, kỷ luật lao động, chế độ tiền lương, chế độ bảo hiểm cho người lao động, phúc lợi, khen thưởng và những vấn đề khác trong quan hệ lao động và sử dụng lao động sẽ được cụ thể hóa trong Thỏa ước lao động tập thể do Đại diện theo pháp luật của Công ty ký kết với Đại diện Công đoàn của Công ty.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty;

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty;

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu;

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này;

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi

tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức;

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác;

Điều 45. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế sau khi bù đắp lỗ năm trước để lập các quỹ với tỷ lệ cụ thể như sau:

1. Quỹ dự phòng tài chính, được trích lập mỗi năm một lần, mỗi lần không vượt quá 10% lợi nhuận sau thuế của Công ty;

2. Quỹ phúc lợi khen thưởng, được trích mỗi năm một lần, mỗi lần không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty;

3. Quỹ đầu tư phát triển, được trích mỗi năm một lần, tỷ lệ trích hàng năm do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam;

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật;

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Nguồn tài trợ bổ sung vốn điều lệ

Công ty có thể sử dụng Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại XIII.Điều 45 Điều lệ này và các nguồn vốn chủ sở hữu khác làm nguồn tài trợ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (1) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng mười hai (12) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng mười hai (12) ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận;
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty;
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán) và cơ quan đăng ký kinh doanh;

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bản cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính. Bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính phải phản ánh đầy đủ, chính xác và mang tính tổng hợp đối với các lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính;

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp;

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website của Công ty;

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 51. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật hiện hành;

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính;

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 53. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 54. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 55. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ từ 50% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty trở lên có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (7) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (6) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (3) thành viên. Hai (2) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (1) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp;

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế;

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định;

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà nhất trí thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (1) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (5) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (4) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đồng Quốc Cường

Số: 92 /2022/TTr-BHHC-HĐQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về việc: “Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng”;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/05/2019,

Nhằm tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời bổ sung, sửa đổi những nội dung phù hợp với thực tiễn quản trị và điều hành, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức rà soát Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà kính trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà, cụ thể như sau:

I. Nguyên tắc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được tiến hành đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau: Các nội dung của dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và thông tư 116/2020-BTC có hiệu lực 15 tháng 02 năm 2021.

II. Đề xuất

Để đảm bảo việc sửa đổi Quy chế nội bộ quản trị Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà hiện hành tuân thủ quy định tại Luật doanh nghiệp 2020, cũng như phù hợp với những quy định hiện hành có liên quan, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua nội dung dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2022;

(Xin gửi dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2022 kèm theo);

2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa chữa chính tả, bổ sung các nội dung được thông qua tại ĐHĐCĐ và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- UVHĐQT, BKS (email);
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đông Quốc Cường

DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY*(Kèm theo tờ trình số 92/2022/TTr-BHHC-HĐQT ngày 23 tháng 03 năm 2022**của HĐQT Công ty CP TD Bắc Hà)*

TT	Vị trí dự thảo	Quy chế nội bộ quản trị Công ty năm 2019	Dự thảo Quy chế nội bộ quản trị Công ty năm 2022	Giải trình lý do sửa đổi, bổ sung
I. Sửa đổi số điều trong Quy chế				
	<i>Sửa đổi</i>			<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC</i>
	<i>Điều 8;</i>	<i>Điều 8;</i>	<i>Điều 10;</i>	
	<i>Điều 9;</i>	<i>Điều 9;</i>	<i>Điều 11;</i>	
	<i>Điều 10;</i>	<i>Điều 10;</i>	<i>Điều 12;</i>	
	<i>Điều 11;</i>	<i>Điều 11;</i>	<i>Điều 13;</i>	
	<i>Điều 12;</i>	<i>Điều 12;</i>	<i>Điều 14;</i>	
	<i>Điều 13;</i>	<i>Điều 13;</i>	<i>Điều 15;</i>	
	<i>Điều 14;</i>	<i>Điều 14;</i>	<i>Điều 16;</i>	
	<i>Điều 15;</i>	<i>Điều 15;</i>	<i>Điều 17;</i>	
	<i>Điều 16;</i>	<i>Điều 16;</i>	<i>Điều 18;</i>	
	<i>Điều 17;</i>	<i>Điều 17;</i>	<i>Điều 22;</i>	
	<i>Điều 18;</i>	<i>Điều 18;</i>	<i>Điều 23;</i>	
	<i>Điều 19;</i>	<i>Điều 19;</i>	<i>Điều 24;</i>	
	<i>Điều 20;</i>	<i>Điều 20;</i>	<i>Điều 25;</i>	
	<i>Điều 21;</i>	<i>Điều 21;</i>	<i>Điều 26;</i>	
	<i>Điều 22;</i>	<i>Điều 22;</i>	<i>Điều 27;</i>	
	<i>Điều 23;</i>	<i>Điều 23;</i>	<i>Điều 28;</i>	
	<i>Điều 24;</i>	<i>Điều 24;</i>	<i>Điều 29;</i>	
	<i>Điều 25;</i>	<i>Điều 25;</i>	<i>Điều 30;</i>	
	<i>Điều 26;</i>	<i>Điều 26;</i>	<i>Điều 31;</i>	
	<i>Điều 27;</i>	<i>Điều 27;</i>	<i>Điều 32;</i>	
	<i>Điều 28;</i>	<i>Điều 28;</i>	<i>Điều 34;</i>	
	<i>Điều 29;</i>	<i>Điều 29;</i>	<i>Điều 37;</i>	
	<i>Điều 30;</i>	<i>Điều 30;</i>	<i>Điều 38;</i>	
	<i>Điều 31;</i>	<i>Điều 31;</i>	<i>Điều 39;</i>	
	<i>Điều 32;</i>	<i>Điều 32;</i>	<i>Điều 40;</i>	
	<i>Điều 33;</i>	<i>Điều 33;</i>	<i>Điều 41;</i>	
	<i>Điều 34;</i>	<i>Điều 34;</i>	<i>Điều 46;</i>	
	<i>Điều 35;</i>	<i>Điều 35;</i>	<i>Điều 47;</i>	
	<i>Điều 36;</i>	<i>Điều 36;</i>	<i>Điều 48;</i>	
	<i>Điều 37;</i>	<i>Điều 37;</i>	<i>Điều 49;</i>	
	<i>Điều 38;</i>	<i>Điều 38;</i>	<i>Điều 50;</i>	
	<i>Điều 39;</i>	<i>Điều 39;</i>	<i>Điều 51;</i>	
	<i>Điều 40;</i>	<i>Điều 40;</i>	<i>Điều 52;</i>	
	<i>Điều 41;</i>	<i>Điều 41;</i>	<i>Điều 53;</i>	
	<i>Điều 42;</i>	<i>Điều 42;</i>	<i>Điều 54;</i>	
	<i>Điều 43;</i>	<i>Điều 43;</i>	<i>Điều 55;</i>	
	<i>Điều 44;</i>	<i>Điều 44;</i>	<i>Điều 56;</i>	
	<i>Điều 45;</i>	<i>Điều 45;</i>	<i>Điều 57;</i>	
	<i>Điều 47;</i>	<i>Điều 47;</i>	<i>Điều 58;</i>	
	<i>Điều 48;</i>	<i>Điều 48;</i>	<i>Điều 59;</i>	
	<i>Điều 49;</i>	<i>Điều 49;</i>	<i>Điều 60;</i>	
	<i>Điều 50;</i>	<i>Điều 50;</i>	<i>Điều 61;</i>	

	Điều 51; Điều 52; Điều 53; Điều 54; Điều 55; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 59	Điều 51; Điều 52; Điều 53; Điều 54; Điều 55; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 59.	Điều 62; Điều 63; Điều 64; Điều 65; Điều 66; Điều 67; Điều 68; Điều 69; Điều 70.	
II. Sửa đổi nội dung một số điều trong Quy chế				
1.	<i>Sửa đổi điểm f khoản 1 điều 2</i>	f... Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán	f... Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật chứng khoán 2019</i>
2.	<i>Sửa đổi điểm h khoản 1 điều 2</i>	h... khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;	h... khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp;	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
3.	<i>Sửa đổi khoản 2 điều 5</i>	2...khoản 3 Điều 12 của Điều lệ thực hiện các quyền yêu cầu quy định tại các điểm từ a đến e khoản 3 Điều 12 của Điều lệ...	2...khoản 3 Điều 11 của Điều lệ thực hiện các quyền yêu cầu quy định tại các điểm từ a đến e khoản 3 Điều 11 của Điều lệ...	<i>Sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ Công ty</i>
4.	<i>Sửa đổi tên chương III</i>	Chương III: Trình tự thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông.	Chương III: Đại hội đồng cổ đông	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC</i>
5.	<i>Sửa đổi điều 8</i>	Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2.e. Gửi thư mời họp ..., Sở Giao dịch Chứng khoán trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày tổ chức Đại hội,...	Điều 10. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2.e. Gửi thư mời họp ..., Sở Giao dịch Chứng khoán trước ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày tổ chức Đại hội,...	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC; Luật doanh nghiệp 2020</i>
6.	<i>Sửa đổi điều 9</i>	Điều 9. Cổ đông, Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 1.Cổ đông.... định tại khoản 3 Điều 12 của Điều... 1.c... khoản 1 điều 12 của Quy chế này. 2.Trường hợp...khoản 4	Điều 11. Cổ đông, Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 1.Cổ đông.... định tại khoản 3 Điều 11 của Điều... 1.c... khoản 1 điều 11 của Quy chế này. 2.Trường hợp...khoản 4	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC; Điều lệ Công ty.</i>

		Điều 14 của Điều lệ...	Điều 13 của Điều lệ...	
7.	<i>Sửa đổi điều 10</i>	<p>Điều 10. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1.... tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ ...</p> <p>2.... tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ ...</p>	<p>Điều 12. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1.... tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ ...</p> <p>2.... tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ ...</p>	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC; Điều lệ Công ty.</i>
8.	<i>Sửa đổi điều 11</i>	<p>Điều 11. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.... lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây...</p>	<p>Điều 13. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.... lập thành văn bản theo mẫu của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây...</p>	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC; Luật doanh nghiệp 2020</i>
9.	<i>Sửa đổi điều 14</i>	<p>Điều 14. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.... tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Điều 16. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.... tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4.Chủ tọa... biên bản. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự cuộc họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC; Luật doanh nghiệp 2020</i>
10.	<i>Sửa đổi điều 16</i>	<p>Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1...cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p> <p>2... phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý</p>	<p>Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1...cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p> <p>2... phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý</p>	<i>Bổ sung cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020; điều lệ Công ty.</i>

		kiến.... khoản 3, Điều 16 Quy chế này.	kiến.... khoản 3, Điều 18 Quy chế này.	
11.	<i>Sửa đổi chương IV</i>	Chương IV: Đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT	Chương IV: Hội đồng quản trị	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC</i>
12.	<i>Sửa đổi điều 17</i>	<p>Điều 17. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Đề cử vào Hội đồng Quản trị:</p> <p>a.. định tại khoản 1 Điều 151 luật doanh nghiệp.</p> <p>b. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị.</p> <p>c. Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 5% đến dưới 10% thì được đề cử tối đa 1 ứng cử viên; -.... - Từ 80% đến dưới 90% thì được đề cử tối đa 8 ứng cử viên. <p>2... điểm b khoản 1 Điều 17...</p>	<p>Điều 22. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Đề cử vào Hội đồng Quản trị:</p> <p>a.. định tại khoản 1 Điều 155 luật doanh nghiệp.</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị.</p> <p>c. bỏ</p> <p>2... điểm b khoản 1 Điều 22...</p>	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC; luật doanh nghiệp 2020</i>
13.	<i>Sửa đổi điều 22</i>	Điều 22. Cuộc họp Hội đồng quản trị	<p>Điều 27. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>5. Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến mà trong đó các thành viên ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:</p>	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC</i>

			<ul style="list-style-type: none"> - Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu biểu trong cuộc họp; - Có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác 	
14.	<i>Sửa đổi chương VI</i>	Chương VI: Đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	Chương V: Ban kiểm soát	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC</i>
15.	<i>Sửa đổi điều 29</i>	<p>Điều 29. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát</p> <p>1. Đề cử vào Ban kiểm soát:</p> <p>a.. định tại Điều 164 luật doanh nghiệp.</p> <p>b. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên bầu vào Ban kiểm soát</p> <p>c. Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 5% đến dưới 10% thì được đề cử tối đa 1 ứng cử viên; -.... - Từ 70% trở lên thì được đề cử tối đa 5 ứng cử viên. <p>2... điểm b khoản 1 Điều 29...</p>	<p>Điều 37. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát</p> <p>1. Đề cử vào Ban kiểm soát:</p> <p>a.. định tại Điều 169 luật doanh nghiệp.</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên bầu vào Ban kiểm soát.</p> <p>c. bỏ</p> <p>2... điểm b khoản 1 Điều 37...</p>	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC; Luật doanh nghiệp 2020</i>
16.	<i>Sửa đổi điều 32</i>	1.k. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.	1.k. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>

			Hội đồng quản trị.	
17.	<i>Sửa đổi điều 34</i>	Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý 1.... định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp.	Điều 46. Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý 1.... định tại Điều 64 Luật Doanh nghiệp.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
18.	<i>Sửa đổi điều 35</i>	Điều 35. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý 1. Đối vớitại mục 2, 3, 4 Điều 34 Quy chế này: Tổng giám đốc tổ chức quy định tại mục 2, 3, 4 điều 34 Quy chế này	Điều 47. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý 1. Đối vớitại mục 2, 3, 4 Điều 46 Quy chế này: Tổng giám đốc tổ chức quy định tại mục 2, 3, 4 điều 46 Quy chế này	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC; luật doanh nghiệp 2020</i>
19.	<i>Sửa đổi chương VIII</i>	Chương VIII: Quy chế làm việc, quan hệ công tác và phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.	Chương VII: Quy chế làm việc, quan hệ công tác và phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thứ tự nội dung trong quy chế</i>
20.	<i>Sửa đổi điều 45</i>	Điều 45. Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị định tại khoản 2 Điều 23 Luật Doanh nghiệp...	Điều 57. Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị định tại khoản 2 Điều 24 Luật Doanh nghiệp...	<i>Sửa đổi cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2020</i>
21.	<i>Sửa đổi chương IX</i>	Chương IX: Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.	Chương VIII: Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thứ tự nội dung trong quy chế</i>
22.	<i>Sửa đổi điều 52</i>	Điều 52. Khen thưởng 1.... khoản 3 Điều 51 Quy chế này.	Điều 63. Khen thưởng 1.... khoản 3 Điều 62 Quy chế này.	<i>Sửa đổi cho phù hợp nội dung quy chế</i>
23.	<i>Sửa đổi chương X</i>	Chương X: Báo cáo và công bố thông tin	Chương IX: Báo cáo và công bố thông tin	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thứ tự nội dung trong quy chế</i>

24.	<i>Sửa đổi điều 55</i>	Điều 55. Tổ chức công bố thông tin 1. a..... tư số 155/2015/BTC của Bộ Tài chính.	Điều 66. Tổ chức công bố thông tin 1. a.... tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 96/2020/TT-BTC</i>
25.	<i>Sửa đổi chương XI</i>	Chương XI: Chế độ giám sát và xử lý vi phạm	Chương X: Chế độ giám sát và xử lý vi phạm	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thứ tự nội dung trong quy chế</i>
26.	<i>Sửa đổi chương XII</i>	Chương XII: Điều khoản thi hành	Chương XI: Điều khoản thi hành	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thứ tự nội dung trong quy chế</i>
27.	<i>Sửa đổi điều 58</i>	Điều 58. Điều khoản thi hành Quy...gồm 12 chương, 58 điều đã được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thương niên năm 2019 ngày 26 tháng 04 năm 2019.	Điều 69. Điều khoản thi hành Quy...gồm 11 chương, 70 điều đã được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thương niên năm ngày tháng năm 2022.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thứ tự nội dung trong quy chế</i>
III. Bổ sung một số điều trong Quy chế				
1.	<i>Bổ sung điều 8</i>		Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty; 2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định của điều 13 Điều lệ Công ty.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC</i>
2.	<i>Bổ sung điều 9</i>		Điều 9. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông (Nội dung xem trong dự thảo)	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC</i>
3.	<i>Bổ sung điều 19</i>		Điều 19. Trình tự thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến: (Nội dung xem trong dự	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC</i>

			<i>thảo)</i>	
4.	<i>Bổ sung điều 20; Điều 21</i>		Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT <i>(Nội dung xem trong dự thảo)</i> Điều 21. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT <i>(Nội dung xem trong dự thảo)</i>	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC</i>
5.	<i>Bổ sung điều 33</i>		Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản <i>(Nội dung xem trong dự thảo)</i>	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC</i>
6.	<i>Bổ sung điều 35; Điều 36</i>		Điều 35. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS <i>(Nội dung xem trong dự thảo)</i> Điều 36. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên BKS <i>(Nội dung xem trong dự thảo)</i>	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC</i>
7.	<i>Bổ sung chương VI</i>		Chương VI: Tổng giám đốc Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 45 <i>(Nội dung xem trong dự thảo)</i>	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC</i>

IV. Bổ một số điều trong Quy chế

1	<i>Bổ điều 46</i>	Điều 46. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 1. Tổng giám đốc .. cách chức. 2. Tổng giám đốc...thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao 3. Nhiệm vụ và ..Điều lệ Công ty.		<i>Sửa đổi cho phù hợp với thông tư 116/2020/TT-BTC</i>
---	-------------------	---	--	---

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ



DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (Sửa đổi, bổ sung lần 1)

Tháng năm 2022

Mục lục

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	6
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	6
CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN.....	7
CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	7
Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông.....	7
Điều 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông	8
Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin	8
Điều 6. Cổ đông hẹn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc ...	9
Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng	9
CHƯƠNG III. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 9. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 10. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên	10
Điều 11. Cổ đông, Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 12. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 13. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết	13
Điều 15. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 17. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng	14
Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Trình tự thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:	16
CHƯƠNG IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT	16
Điều 21. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	16
Điều 22. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị	17
Điều 23. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị.....	17
Điều 24. Bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	18
Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .	18
Điều 27. Cuộc họp Hội đồng quản trị	18
Điều 28. Thông báo họp Hội đồng Quản trị	19
Điều 29. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị	19
Điều 30. Bỏ phiếu trước bằng văn bản.....	19
Điều 31. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng Quản trị....	20
Điều 32. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng Quản trị	20
Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản....	21
Điều 34. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị.....	21

CHƯƠNG V. BAN KIỂM SOÁT	22
Điều 35. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS	22
Nội dung vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS được quy định tại điều 37 Điều lệ Công ty.	22
Điều 36. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên BKS	22
Điều 37. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát.....	22
Điều 38. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát	22
Điều 39. Bầu Trưởng Ban kiểm soát.....	23
Điều 40. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	23
Điều 41. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	23
CHƯƠNG VI. TỔNG GIÁM ĐỐC	24
Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc.....	24
Điều 43. Nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của Tổng giám đốc	24
Điều 44. Bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng giám đốc	24
Điều 45. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	24
CHƯƠNG VII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ	24
Điều 46. Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý.....	24
Điều 47. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý	25
Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý	26
Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý	26
CHƯƠNG VIII. QUY CHẾ LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	26
MỤC 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 50. Bộ máy điều hành và giúp việc của Hội đồng quản trị	26
Điều 51. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 52. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 53. Nhiệm vụ của của Người phụ trách quản trị Công ty	27
Điều 54. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	28
Điều 55. Trách nhiệm báo cáo cho Ban kiểm soát.....	29
Điều 56. Tham gia của Ban kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.....	29
Điều 57. Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị.....	29
MỤC 2. TỔNG GIÁM ĐỐC	29
Điều 58. Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị.....	29
Điều 59. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc.....	29
MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT	30
Điều 60. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.	30
Điều 61. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc ..	30
CHƯƠNG IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	31

Điều 62. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác	31
Điều 63. Khen thưởng	32
Điều 64. Xử lý vi phạm và kỷ luật	32
CHƯƠNG X. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	32
Điều 65. Nghĩa vụ công bố thông tin	32
Điều 66. Tổ chức công bố thông tin.....	33
CHƯƠNG XI. CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	33
Điều 67. Giám sát.....	33
Điều 68. Xử lý vi phạm	33
CHƯƠNG XII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	33
Điều 69. Điều khoản thi hành	33
Điều 70. Hiệu lực	34

Số: /2022/TTr-BHHC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Sửa đổi, bổ sung lần 1)**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty Đại chúng.

Thực hiện Nghị quyết số /2022/NQ-BHHC-ĐHĐCĐ ngày tháng 04 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều được bãi bỏ.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận

- Ủy viên HĐQT
- Ban kiểm soát.
- Các cổ đông (Đăng Website Cty)
- Lưu VP.

**TM. ĐHĐCĐ CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT**

Đông Quốc Cường

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty.

Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;
2. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
3. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
4. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm kiểm soát viên;
5. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý;
6. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành;
7. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
8. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
9. Quy định báo cáo và công bố thông tin

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :
 - a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.
 - b. “Công ty”: là Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà - BHHHC.
 - c. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua ở từng thời điểm.
 - d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.
 - e. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.
 - f. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:
 - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;

- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Tổng Tổng giám đốc sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Tổng giám đốc, Phó Tổng Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Công ty mẹ, công ty con;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

g. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị định 71: không phải là Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

h. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” (sau đây gọi là Thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại **khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp**:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

i. “Cán bộ quản lý”: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty (các Trưởng Phòng, Trưởng Ban (nếu có), Giám đốc Trung tâm (nếu có) và các Quản đốc) được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

k. “Ban điều hành”: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản

lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông

1. Mọi cổ đông đều được đối xử công bằng, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông là người nước ngoài.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin

1. Cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty sẽ thực hiện theo trình tự như sau:

a. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác phải gửi yêu cầu đến tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời báo cho Công ty được biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Hội đồng Quản trị Công ty (thông qua Người phụ trách quản trị Công ty).

b. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Người phụ trách quản trị Công ty để được cung cấp tài liệu. Công ty có thể gửi trích lục, bản sao chụp các tài liệu trên cho cổ đông bằng đường bưu điện, qua email theo yêu cầu của cổ đông. Cổ đông yêu cầu gửi tài liệu qua đường bưu điện phải trả phí bưu điện cho Công ty ngay khi đưa yêu cầu.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ thực hiện các quyền yêu cầu quy định tại các điểm từ a đến e khoản 3 Điều 11 của Điều lệ theo trình tự như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận Văn thư của Công ty. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề xem xét, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông.

b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét và phân công Người phụ trách quản trị Công ty cung cấp thông tin theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; trường hợp từ chối kiến nghị thì phải trả lời cho cổ đông bằng văn

bản.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc này.

d. Cổ đông phải trả phí cho Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả phí gửi bưu điện nếu cổ đông có yêu cầu.

Điều 6. Cổ đông hẹn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo,... phải đăng ký với Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc quyết định làm việc với cổ đông trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Người phụ trách quản trị Công ty thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).

2. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc và cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ Công ty.

Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng

1. Công ty tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.

2. Thông tin của Công ty được cung cấp cho cổ đông thông qua các kênh sau:

a. Website chính thức của Công ty: <http://www.thuydienbachalaocai.com.vn>

b. Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, tổ chức niêm yết;

c. Thông cáo báo chí của Công ty;

d. Phát ngôn của người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;

đ. Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng.

CHƯƠNG III. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định của điều 13 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên;
2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một phần ba (1/3) so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 điều 11 Điều lệ Công ty yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Sau khi có báo cáo kiểm toán, Hội đồng Quản trị Công ty họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:
 - a. Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b. Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại đại hội cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
 - c. Chuẩn bị nội dung, chương trình đại hội, xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội.
 - d. Thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - e. Gửi thư mời họp theo phương thức đảm bảo đến địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp; thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán trước ít nhất hai mươi một

(21) ngày trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư trên cơ sở danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

3. Thông báo, thư mời họp phải ghi rõ nội dung chương trình Đại hội, các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại Đại hội, thời gian và địa điểm tổ chức. Kèm theo thư mời họp gửi cho cổ đông phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, mẫu xác nhận dự họp (nếu cần), chương trình họp, các tài liệu thảo luận cơ sở để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội, Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Điều 11. Cổ đông, Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận văn thư của Công ty. Yêu cầu phải ghi rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, lý do yêu cầu triệu tập, các vấn đề cần thảo luận tại Đại hội, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cổ đông, Hội đồng Quản trị phải trả lời chính thức bằng văn bản về yêu cầu triệu tập.

c. Cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị tại mục b, khoản 1 điều 11 của Quy chế này.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải tự mình triệu tập cuộc họp theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 13 của Điều lệ thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để cung cấp cho họ danh sách cổ đông có quyền dự họp.

3. Công ty hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông các chi phí hợp lý cho việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này (không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và các chi tiêu riêng của cổ đông dự họp) với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi đầy đủ thông tin của Công ty là bên mua hàng.

Điều 12. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ có quyền yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận văn thư của Công ty ít nhất ba (03) ngày trước ngày tổ chức Đại hội dự kiến. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề cần bổ sung vào chương trình họp, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trường hợp từ chối kiến nghị thì Hội đồng Quản trị phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản trước ngày dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị về việc này.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị các tài liệu cần thiết để Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị, in ấn và công bố trên trang thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sàn giao dịch chứng khoán, trang web của công ty và phát cho các cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, đồng thời chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề này.

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ cũng có thể gửi kiến nghị đến Hội đồng Quản trị đề nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung nội dung này.

Điều 13. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty hoặc giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo

chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với số lượng cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ủng hộ, phản đối hay số thẻ không có ý kiến gì, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

3. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình đã thông qua đều được xem là hợp lệ ngay cả khi Đại hội cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Quy chế này hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình Đại hội.

Điều 15. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty.

2. Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu thanh toán.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ

diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp.

3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung, biểu quyết thông qua trước khi trình Chủ tọa ký.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự cuộc họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định.

Điều 17. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

1. Bản sao biên bản phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông (kể cả cổ đông không dự họp) trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán trong thời hạn hai bốn (24) giờ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ thời điểm nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện **trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.**

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất **mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, **Điều 18** Quy chế này.**

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Gửi Fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Chậm nhất năm (5) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết, quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Trình tự thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:

1. Công ty có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ dưới hình thức hội nghị trực tuyến theo quyết định của HĐQT hoặc khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như: thiên tai, dịch bệnh, khủng bố, bạo loạn... làm ảnh hưởng đến việc tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp.

2. Trong trường hợp HĐQT quyết định triệu tập tổ chức họp ĐHĐCĐ theo hình thức như quy định tại mục 1 điều này, HĐQT chịu trách nhiệm ban hành và công bố Quy chế tổ chức họp, biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định cho phù hợp.

CHƯƠNG IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 26 Điều lệ Công ty;

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 21. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được quy định tại điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị

1. Đề cử vào Hội đồng Quản trị:

a. Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 155 luật doanh nghiệp.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị.

2. Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử tại điểm b khoản 1 Điều 22 nêu trên mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng Quản trị phải được gửi về cho Hội đồng Quản trị đương nhiệm chậm nhất năm (5) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.

4. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng Quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và địa điểm nơi tổ chức Đại hội.

Điều 23. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

a. Phiếu không phải do Ban kiểm phiếu phát hành;

b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;

- c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Những người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

7. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

Điều 24. Bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Sau khi có kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (1) Chủ tịch và một (1) Phó chủ tịch (nếu thấy cần thiết).

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty.

Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc thực hiện bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 25 của Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Cuộc họp Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
- 2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (1) lần hoặc họp bất thường theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 29 của Điều lệ công ty.
- 3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.
- 4. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo

Người quản trị công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng Quản trị và đại biểu được mời họp.

5. Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến mà trong đó các thành viên ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác.

Nghị quyết HĐQT được thông qua tại cuộc họp tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác nếu được đa số thành viên dự họp tán thành và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp.

Điều 28. Thông báo họp Hội đồng Quản trị

1. Giấy mời họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất năm (5) ngày trước ngày họp, trừ trường hợp trong cuộc họp tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị đều không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do tài liệu họp không được chuyển đến đúng thời hạn.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị hay Người quản trị công ty, có quyền đề nghị hoãn ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của Thành viên.

3. Giấy mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị đã được đăng ký tại Công ty.

4. Giấy mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo giấy mời phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó.

Điều 29. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị) có thể ủy quyền cho một (1) thành viên Hội đồng Quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (1) ngày. Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (1) ngày.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 30. Bỏ phiếu trước bằng văn bản

Các thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu trước bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong

bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 31. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp và yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.

2. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng Quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- c. Thời gian, địa điểm họp.
- d. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do.
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
- g. Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những thành viên phản đối và những thành viên bỏ phiếu trắng.
- h. Các vấn đề đã được thông qua.
- i. Chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
- k. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

3. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
2. Chủ tịch HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.
3. Thời hạn xem xét và trả lời phiếu xin ý kiến của các thành viên HĐQT muộn nhất là 07 ngày tính từ ngày gửi phiếu (kể cả ngày nghỉ). Nếu sau thời hạn trả lời mà ủy viên HĐQT không gửi ý kiến trả lời về HĐQT, thì ý kiến của ủy viên HĐQT đó được hiểu là đồng ý với nội dung xin ý kiến của HĐQT.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.
 - b) Mục đích lấy ý kiến.
 - c) Vấn đề cần lấy ý kiến.
 - d) Phương án biểu quyết, bao gồm: đồng ý, không đồng ý và ý kiến khác.
 - e) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty.
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về Công ty theo quy định.
6. Chủ tịch HĐQT và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm Phiếu lấy ý kiến phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Quyết định được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành bằng văn bản của đa số thành viên HĐQT. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Điều 34. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS

Nội dung vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS được quy định tại điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 36. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên BKS

Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 37. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát

1. Đề cử vào Ban kiểm soát:

a. Tiêu chuẩn Thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 169 luật doanh nghiệp.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên bầu vào Ban kiểm soát.

2. Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử tại điểm b khoản 1 Điều 37 nêu trên mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Ban kiểm soát phải được gửi về cho Hội đồng Quản trị đương nhiệm chậm nhất năm (5) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.

4. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Ban kiểm soát (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và địa điểm nơi tổ chức Đại hội.

Điều 38. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Ban kiểm soát, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải do Ban kiểm phiếu phát hành;
- b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Những người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

7. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đó được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

Điều 39. Bầu Trưởng Ban kiểm soát

Sau khi có kết quả bầu cử Thành viên Ban kiểm soát của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (1) Trưởng ban.

Điều 40. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 36 của Điều lệ Công ty.

Điều 41. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

2. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của Tổng giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 43. Nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (5) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại điều 64 của Luật doanh nghiệp.

Điều 44. Bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một (1) Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 45. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, Tổng giám đốc phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 46. Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý

1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 64 Luật Doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (5) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng.

a. Không thuộc các đối tượng là những người không được làm kế toán quy định tại Điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13.

b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Công ty.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (5) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

- Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm các cán bộ quản lý khác (các Trưởng phòng, Trưởng ban, Giám đốc trung tâm, Quản đốc phân xưởng trong Công ty).

a. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý lĩnh vực được bổ nhiệm của pháp luật và của công ty.

b. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực được bổ nhiệm từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế trong lĩnh vực được bổ nhiệm ít nhất ba (3) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

Điều 47. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý

Thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý thực hiện theo Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

1. Đối với các cán bộ quản lý quy định tại mục 2, 3, 4 **Điều 46** Quy chế này: Tổng giám đốc tổ chức lựa chọn ứng viên phù hợp theo các tiêu chuẩn đã được quy định tại mục 2, 3, 4 **điều 46** Quy chế này và trình HĐQT phê duyệt. Trên cơ sở Tờ trình của Tổng giám đốc, HĐQT sẽ xem xét để ra quyết định bổ nhiệm chính thức;
2. Đối với các cán bộ cấp phó bao gồm Phó trưởng phòng, Phó quản đốc phân xưởng, Phó ban (nếu có), Phó giám đốc Trung tâm (nếu có): Tổng giám đốc có thẩm quyền bổ nhiệm nhưng phải phù hợp với cơ cấu tổ

chức nhân sự của Công ty đã được HĐQT phê duyệt và phải báo cáo HĐQT bằng văn bản sau khi đã hoàn thành thủ tục bổ nhiệm.

Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý

1. Cán bộ quản lý xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 45 ngày, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì cán bộ quản lý đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm cán bộ quản lý trong trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VIII. QUY CHẾ LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Bộ máy điều hành và giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời không có khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Phó chủ tịch (nếu có) hoặc một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc khi cần thiết để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (3) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp Hội đồng quản trị không thành lập tiểu ban trực thuộc, Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành của Công ty để phục vụ cho công việc của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty hoặc sử dụng cán bộ thuộc bộ máy điều hành Công ty để làm Thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị.

Điều 51. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, tận tâm, tận trọng vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

Điều 52. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty.

2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin về lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá ba (3) ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá năm (5) ngày.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Tổng giám đốc Công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

Điều 53. Nhiệm vụ của của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm sau:

a. Theo dõi chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị và lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;

b. Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị. chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị; Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;

c. Soạn thảo các văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giúp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d. Tổng hợp trình Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu gửi đến Hội đồng quản trị;

đ. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

e. Lập sổ theo dõi công văn đi, đến của Hội đồng quản trị; cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;

g. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

h. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;

i. Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị.

k. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị giao.

2. Được hưởng các quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động được ký với Hội đồng quản trị.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.

Điều 54. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ.

Điều 55. Trách nhiệm báo cáo cho Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị hoặc cá nhân thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giải trình cho Ban kiểm soát các vấn đề được Ban kiểm soát yêu cầu.

2. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm sao gửi các quyết định của Hội đồng quản trị cho Trưởng Ban kiểm soát để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 56. Tham gia của Ban kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm mời đại diện Ban kiểm soát tham gia và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

2. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền của Trưởng Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị sau khi thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về sự tham dự của mình.

Điều 57. Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị

Mọi thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị phải được giữ bí mật chỉ được trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị. Nghiêm cấm phổ biến ra ngoài phạm vi Hội đồng quản trị, ngoại trừ trường hợp những người ủy quyền dự họp theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Quy chế này và các trường hợp theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

MỤC 2. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 58. Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Tổng giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 59. Mọi quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng Quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị

2. Tổng giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và phải báo cáo giải trình ngay với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.

3. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của

mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông (nếu thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ) trong thời ba (3) ngày sau ngày xảy ra sự cố.

5. Tổng giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng Quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng giám đốc.

MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 60. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình đối với sự phát triển của Công ty;

2. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Công ty, đảm bảo Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Công ty;

3. Đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;

4. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế;

5. Lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi xâm hại đến lợi ích của Công ty và các cổ đông;

6. Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích;

7. Mẫn cán và trung thực;

8. Mềm dẻo nhưng hiệu quả.

Điều 61. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

2. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;

3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

4. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của các cán

bộ quản lý điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người quản lý với những nơi họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích để phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty;

5. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại báo cáo Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông;

6. Ban Kiểm soát được nhân danh Công ty để tiếp các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước, trực tiếp làm việc và cung cấp tài liệu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời có quyền từ chối làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra nếu cho rằng việc kiểm tra, thanh tra của họ là không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;

7. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

CHƯƠNG IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 62. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong Công ty trên cơ sở căn cứ vào Điều lệ của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng phòng, ban, trung tâm, phân xưởng trong Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- c. Hoàn thành nhiệm vụ
- d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 63. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như **khoản 3 Điều 62 Quy chế này**.

2. Chế độ khen thưởng

a. Bằng tiền.

b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của Công ty.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 64. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 65. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty theo quy định công bố thông tin hiện hành. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 66. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại luật chứng khoán và thông **tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính**
 - b. Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin
2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Người phụ trách quản trị công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm
3. Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin phải là người:
 - a. Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định;
 - d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XI. CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 67. Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 68. Xử lý vi phạm

Trường hợp Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất và mức độ sẽ xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 69. Điều khoản thi hành

Quy chế này bao gồm 12 chương, 70 điều đã được **biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm ngày tháng năm 2022**. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị họp xem xét, quyết định sửa và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 70. Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ban hành.

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các cổ đông và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực thi Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đông Quốc Cường

Số: 93/2022/TTr-BHHC-HĐQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty Đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/1/2008 và điều lệ sửa đổi bổ sung lần 4 được ĐHĐCĐ thông qua ngày 22/04/2021,

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà xem xét để thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty với nội dung như sau:

Toàn bộ nội dung dự thảo Quy chế gồm 07 chương và 24 điều, được xây dựng theo Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 115/2020/NĐ-CP và Điều lệ Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà (BHHC), phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của BHHC. Nội dung Quy chế gồm:

1. Chương I: gồm 2 điều, quy định chung.
2. Chương II: gồm 8 điều, quy định về thành viên Hội đồng quản trị.
3. Chương III: gồm 4 điều, quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.
4. Chương IV: gồm 3 điều, quy định về cuộc họp và biên bản họp của Hội đồng quản trị.
5. Chương V: gồm 3 điều, quy định về báo cáo và công khai lợi ích.
6. Chương VI: gồm 3 điều, quy định về mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành và Ban kiểm soát.
7. Chương VII: gồm 1 điều, quy định về điều khoản và hiệu lực thi hành.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (Xin gửi dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty kèm theo)
2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa chữa chính tả, bổ sung các nội dung được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 (nếu có) và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và công bố Quy chế này theo quy định.

Kính đề nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UVHĐQT, BKS (email);
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Số: 106/2022/TTr-BHHC-BKS

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty Đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/1/2008 và điều lệ sửa đổi bổ sung lần 4 được ĐHĐCĐ thông qua ngày 22/04/2021,

Ban Kiểm Soát (BKS) kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà xem xét để thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty với nội dung như sau:

Toàn bộ nội dung dự thảo Quy chế gồm 07 chương và 22 điều, được xây dựng theo yêu của Luật Doanh nghiệp, Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 115/2020/NĐ-CP và Điều lệ Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà (BHHC), phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của BHHC. Nội dung Quy chế gồm:

1. Chương I: gồm 2 điều, quy định chung.
2. Chương II: gồm 8 điều, quy định về thành viên Ban kiểm soát.
3. Chương III: gồm 3 điều, quy định về quyền, nghĩa vụ và trách của Ban kiểm soát.
4. Chương IV: gồm 2 điều, quy định về cuộc họp và biên bản họp của Ban kiểm soát.
5. Chương V: gồm 3 điều, quy định về báo cáo và công khai lợi ích.
6. Chương VI: gồm 3 điều, quy định về mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát, ban điều hành và Hội đồng quản trị.
7. Chương VII: gồm 1 điều, quy định về điều khoản và hiệu lực thi hành.

Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty
(Xin gửi dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát kèm theo)
2. Ủy quyền và giao cho Ban kiểm soát thực hiện việc sửa chữa chính tả, bổ sung các nội dung được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 (nếu có) và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và công bố Quy chế này theo quy định.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UVHĐQT, BKS (email);
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Ngọc Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ



DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tháng năm 2022

Mục lục

Chương I.....	4
QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	4
Chương II.....	4
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	4
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.....	6
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	7
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	8
Chương III.....	8
BAN KIỂM SOÁT.....	8
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	8
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	11
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	11
Chương IV.....	12
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT.....	12
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	12
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	12
Chương V.....	12
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	12
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	12
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	13
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	13
Chương VI.....	14
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	14
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành.....	14
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	14
Chương VII.....	15
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	15
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	15

Số: /2022/TTr-BHHC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty Đại chúng;
Căn cứ Nghị quyết số /2022/NQ-BHHC-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UVHĐQT, BKS (email);
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. ĐHĐCĐ CÔNG TY
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Phạm Ngọc Tân

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn

trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

7. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

8. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

10. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của

Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết. Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp

sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong

việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện

nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định Điều lệ Công ty;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng

quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Phạm Ngọc Tân

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà đã được Đại hội đồng cổ đông sáng lập thông qua ngày 28/01/2008 và điều lệ sửa đổi bổ sung lần 4 được ĐHĐCĐ thông qua ngày 22/04/2021;
Căn cứ Nghị quyết số 88/2022/NQ-BHHC-HĐQT ngày 23/03/2022 của HĐQT Công ty về việc triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2022,
Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà ban hành Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1.1. Quy chế này quy định thể thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà và quyền, nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội.

1.2. Các cổ đông của Công ty và các đối tượng tham dự đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 2. Quyền của các cổ đông khi tham dự đại hội

2.1. Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người đại diện tham dự Đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của đại hội.

2.2. Được Ban tổ chức đại hội gửi giấy mời họp kèm theo quy chế đại hội, chương trình đại hội để nghiên cứu thảo luận trước đại hội.

2.3. Được phát phiếu biểu quyết với số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đăng ký sở hữu hoặc đại diện (ví dụ phiếu biểu quyết của đại biểu cổ đông được ghi là 10.000 cổ phần, tức là cổ đông đó có 10.000 phiếu biểu quyết).

2.4. Cổ đông đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội; nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).

Điều 3. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự đại hội

3.1. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

3.2. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

3.3. Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự đại hội.

3.4. Mang theo giấy mời họp kèm theo giấy uỷ quyền (trong trường hợp được uỷ quyền) và giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân/thẻ CCCD hoặc hộ

chiếu), trình cho ban kiểm tra tư cách cổ đông trước khi đại hội chính thức bắt đầu.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

4.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức đại hội thành lập, có trách nhiệm:

- Lập danh sách cổ đông tham dự đại hội và niêm yết tại nơi diễn ra đại hội;
- Nhận và kiểm tra các giấy mời họp, giấy uỷ quyền tham dự đại hội;
- Kiểm tra cổ đông đi dự có đầy đủ và đúng thành phần không;
- Lập báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông để đọc trước đại hội;
- Phát phiếu biểu quyết cho các cổ đông trước khi vào hội trường.

4.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nghĩa vụ tuyệt đối trung thực, cẩn trọng khi thực hiện nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ toạ và Thư ký đại hội

5.1. Chủ toạ đại hội: Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty là Chủ toạ đại hội.

Chủ toạ đại hội có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Điều khiển đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự;

b. Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của đại hội;

c. Có quyền trì hoãn đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của đại hội;

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5.2. Thư ký đại hội do Chủ toạ giới thiệu để đại hội thông qua. Thư ký có nhiệm vụ giúp việc Chủ toạ điều hành đại hội, ghi chép và đọc biên bản, nghị quyết đại hội.

Chương II TRÌNH TỰ VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành đại hội

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết của công ty theo danh sách cổ đông được mời họp khi quyết định triệu tập đại hội (theo danh sách cổ đông chốt họp tại ngày 18/03/2022).

Điều 7. Trình tự tiến hành đại hội

7.1. Đại hội diễn ra theo trình tự và bao gồm các nội dung sau đây:

a. Làm thủ tục kiểm tra tư cách cổ đông đến dự đại hội;

b. Công tác chuẩn bị và khai mạc;

c. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông;

d. Thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu;

e. Thông qua chương trình đại hội;

- f. Thông qua báo cáo của Ban điều hành, HĐQT, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm 2021;
- g. Thông qua tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;
- h. Thông qua tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
- i. Thông qua tờ trình về việc quyết toán thù lao HĐQT và BKS năm 2021 và kế hoạch trả thù lao HĐQT và BKS năm 2022;
- j. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- k. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- l. Thông qua tờ trình Quy chế hoạt động của HĐQT;
- m. Thông qua tờ trình Quy chế hoạt động của BKS;
- n. Thảo luận và công bố kết quả kiểm phiếu;
- o. Thông qua biên bản, nghị quyết và bế mạc đại hội.

7.2. Hình thức biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình đại hội.

Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình đại hội đều thực hiện theo hình thức bỏ phiếu biểu quyết. Quyết định của đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây: Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% hoặc 65% (theo quy định tại khoản 3, khoản 4, điều 20, Điều lệ Công ty) tổng số phiếu của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 8. Xử lý trường hợp tổ chức đại hội đồng cổ đông không thành

Trường hợp trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp mà không có đủ lượng đại biểu cổ đông cần thiết quy định tại Điều 6 quy chế này thì đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không thành.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà.

THẺ THỨC BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
(Kèm theo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022)

A. Quy định chung.

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết;
- Mỗi cổ đông hoặc người được uỷ quyền (gọi chung là cổ đông) đến dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát “Phiếu biểu quyết” trong đó có ghi mã cổ đông, số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện.

B. Thẻ thức biểu quyết và kết quả biểu quyết.

- Từng vấn đề được đưa ra thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và được xin ý kiến theo trình tự; gồm các ý kiến:

- Những ý kiến chấp thuận (đồng ý)
- Những ý kiến không chấp thuận (không đồng ý)
- Những ý kiến khác (không có ý kiến)

- Trong phần biểu quyết của từng cổ đông hoặc đại diện cổ đông có ghi đầy đủ các nội dung ý kiến.

- Tại Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra một Ban kiểm phiếu.

- Tất cả các vấn đề tại Đại hội sẽ được biểu quyết thông qua bằng phương pháp bỏ phiếu biểu quyết.

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm phiếu và trình Đại hội.

- Các tỷ lệ cần đạt được khi biểu quyết: Tất cả các vấn đề phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% hoặc 65% (theo quy định tại khoản 3, khoản 4, điều 20, Điều lệ Công ty) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

** Lưu ý: Yêu cầu cổ đông giữ phiếu biểu quyết cẩn thận và đánh dấu (X) vào một trong 3 ô vuông tương ứng với đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến.*

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Đại diện Cổ Đông:

- Mã cổ đông:

Cổ phần sở hữu:

- Mã số biểu quyết:

Cổ phần được uỷ quyền:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

Các nội dung biểu quyết

Nội dung 1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và Kế hoạch SXKD năm 2022.

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến

Nội dung 2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến

Nội dung 3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến

Nội dung 4. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến

Nội dung 5. Tờ trình thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến

Nội dung 6. Tờ trình thông qua thù lao của HĐQT/BKS năm 2021 và kế hoạch thù lao HĐQT/BKS năm 2022

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến

Nội dung 7. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến

Nội dung 8. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến

Nội dung 9. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến

Nội dung 10. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT.

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến

Nội dung 11. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của BKS.

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến

Hà Nội, Ngày tháng năm 2022
CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

DỰ THẢO

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà;
Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu biểu quyết các nội dung thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 do Ban kiểm phiếu công bố,*

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (gọi tắt là Đại hội) Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là BHHC) được tiến hành hồi 8 giờ 00 phút ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại khách sạn Grand Plaza - Số 117 phố Trần Duy Hưng - Cầu Giấy - Hà Nội.

PHẦN A. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI

I. Thành phần

1. Các cổ đông và đại diện cổ đông Công ty;
2. Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cán bộ quản lý BHHC

II. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội

1. Kiểm tra tư cách cổ đông

Ông Nguyễn Anh Dũng – Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tổng số cổ đông tham dự Đại hội như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do BHHC phát hành: 66.000.000 cổ phần, trong đó:
 - o Cổ phần phổ thông: 66.000.000 cổ phần;
 - o Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần;
 - o Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết: 0 cổ phần.
- Tổng số cổ đông tại danh sách chốt tham dự họp tại ngày 18 tháng 03 năm 2022 do VSD cung cấp là 465 cổ đông sở hữu 66.000.000 cổ phần, tương đương với 100% vốn điều lệ;
- Tổng số cổ đông tham dự đại hội tại thời điểm 8h0 ngày 22/04/2022 là ... cổ đông, tương đương với số cổ phiếu nắm giữ có quyền biểu quyết là cổ phiếu đạt tỷ lệ%.

2. Tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành:

Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ của BHHC, phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

PHẦN B. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. Tiến hành Đại hội

Ban tổ chức Đại hội giới thiệu thành phần Đoàn chủ tọa.

Ông Phạm Ngọc Tân – Trưởng Ban kiểm soát – giới thiệu Đoàn chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ 100 % tán thành.

1. Đoàn chủ tọa gồm có: Ông Đồng Quốc Cường - Chủ tọa đoàn;
Ông Nguyễn Danh Quân - Ủy viên;
Ông Nguyễn Thành Hưng - Ủy viên.

2. Ban thư ký: Ông Nguyễn Văn Hà - Trưởng ban;
Ông Nguyễn Quang Thắng - Ủy viên

3. Ban kiểm phiếu: Ông Phạm Ngọc Tân - Trưởng Ban
Ông Tạ Hồng Diệu - Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tình - Thành viên
Ông Nguyễn Đức Cường - Thành viên

4. Chương trình đại hội đã được thông qua:

1. Báo cáo của TGD về kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022;
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát;
4. Tờ trình Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021;
5. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022;
6. Tờ trình quyết toán thù lao năm 2021 và dự toán thù lao năm 2022 cho các thành viên HĐQT và BKS;
7. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
8. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
9. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
10. Tờ trình Quy chế hoạt động của HĐQT;
11. Tờ trình Quy chế hoạt động của BKS;

II. Nội dung chính của Đại hội

1. Đại hội đã nghe trình bày lần lượt các Báo cáo của Ban điều hành, HĐQT, Ban kiểm soát:

1.1 Ông Nguyễn Thành Hưng – Tổng giám đốc – trình bày toàn văn Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;

1.2. Ông Đồng Quốc Cường – Chủ tịch HĐQT – trình bày toàn văn Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch năm 2022;

1.3. Ông Phạm Ngọc Tân – Trưởng Ban kiểm soát – trình bày toàn văn Báo cáo của Ban kiểm soát.

2. Đại hội nghe trình bày lần lượt các Tờ trình của HĐQT trình Đại hội thông qua:

2.1. Ông Nguyễn Thành Hưng – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc - trình bày toàn văn tờ trình:

- Tờ trình thông qua quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và dự toán năm 2022;

- Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

2.2. Ông Nguyễn Danh Quân – thành viên HĐQT - trình bày toàn văn tờ trình:

- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;

- Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT;

2.3. Ông Tạ Hồng Diêu – Kế toán trưởng - trình bày toàn văn Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;

2.4. Ông Phạm Ngọc Tân – Trưởng Ban kiểm soát - trình bày toàn văn Tờ trình:

- Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022.

- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của BKS.

3. Đại hội thảo luận và đóng góp ý kiến:

Đại hội đã tiến hành thảo luận về các Báo cáo, Tờ trình. Đoàn chủ tọa đã nhận được các câu hỏi và đã giải đáp các câu hỏi của các cổ đông, chi tiết như sau:

Nội dung thảo luận số 1:

Cổ đông: Ông Trịnh Văn A mã số cổ đông ... có ý kiến như sau:

.....

Ông Nguyễn Văn A trả lời:

.....

Nội dung thảo luận số 2:

Cổ đông: Ông Trịnh Văn B mã số cổ đông ... có ý kiến như sau:

.....

Ông Nguyễn Văn B trả lời:

.....

4. Kết quả biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội

Tổng số cổ đông tham dự đại hội tại thời điểm 11h00 ngày 22/04/2022 là cổ đông, tương đương với số cổ phiếu nắm giữ có quyền biểu quyết là cổ phiếu đạt tỷ lệ%.

4.1. Ông Phạm Ngọc Tân – Trưởng ban kiểm soát công bố toàn văn Quy chế tổ chức Đại hội.

4.2. Căn cứ vào kết quả biểu quyết và bỏ phiếu thông qua các nội dung của Đại hội, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà đã thống nhất thông qua các nội dung như sau:

Nội dung 1. Thông qua toàn văn Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022, với một số chỉ tiêu chính như sau:

Kết quả SXKD năm 2021

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thực hiện năm 2021</i>
1.Sản lượng điện thương phẩm (Tr. kWh)	263,28
2.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	265,82
3.Doanh thu hoạt động tài chính (tỷ đồng)	0,453
4.Thu nhập khác (tỷ đồng)	0,404
5.Lợi nhuận khác (tỷ đồng)	
6.Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	29,184
7.Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	27,557

Kế hoạch SXKD năm 2022

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Kế hoạch 2022</i>
1.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr Kwh	299,19
2.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	268,217
3.	Chi phí quản lý vận hành	Tỷ đồng	19,972
4.	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	112,55
5.	Chi phí thường xuyên	Tỷ đồng	6,5
6.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	39,78
7.	Đầu tư	Tỷ đồng	6,8

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý : cổ phiếu - chiếm:%
- Không đồng ý: cổ phiếu - chiếm:%
- Không có ý kiến: cổ phiếu - chiếm:%

Nội dung 2. Thông qua toàn văn Báo cáo hoạt động năm 2021 và phương hướng năm 2022 của HĐQT.

Toàn văn nội dung báo cáo đã được Chủ tịch HĐQT trình bày trước đại hội.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý : cổ phiếu - chiếm:%
- Không đồng ý: cổ phiếu - chiếm:%
- Không có ý kiến: cổ phiếu - chiếm:%

Nội dung 3. Thông qua toàn văn báo cáo của BKS

Toàn văn nội dung báo cáo đã được Trưởng ban kiểm soát trình bày trước Đại hội.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý : cổ phiếu - chiếm:%
- Không đồng ý: cổ phiếu - chiếm:%
- Không có ý kiến: cổ phiếu - chiếm:%

Nội dung 4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Giá trị (đồng)
1	Tổng tài sản	Đồng	1.710.047.064.367

2	Doanh thu thuần	Đồng	265.825.456.802
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	29.184.986.631
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	27.557.725.028

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý : cổ phiếu - chiếm:%
- Không đồng ý: cổ phiếu - chiếm:%
- Không có ý kiến: cổ phiếu - chiếm:%

Nội dung 5. Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022, với các nội dung sau:

5.1. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

- Công ty TNHH hãng kiểm toán (AASC);
- Công ty TNHH kiểm toán Quốc Tế (ICPA);
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C;
- Công ty TNHH kiểm toán CPA.

5.2. Đại hội đồng Cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện việc lựa chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý : cổ phiếu - chiếm:%
- Không đồng ý: cổ phiếu - chiếm:%
- Không có ý kiến: cổ phiếu - chiếm:%

Nội dung 6. Thông qua tờ trình quyết toán thù lao năm 2021 và dự toán thù lao năm 2022 cho các thành viên HĐQT và BKS:

- I. Quyết toán thù lao năm 2021 cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.
- | | |
|------------------------------|--------------------|
| Thù lao năm 2021 đã chi trả: | 1.015.000.000 VNĐ; |
| Trong đó: | |
| Thù lao HĐQT: | 726.000.000 VNĐ |
| Thù lao Ban kiểm soát: | 289.000.000 VNĐ |

II. Dự toán thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022

Mức thù lao của HĐQT và BKS trước thuế TNCN như sau:

TT	Chức danh	Mức thù lao/tháng (đồng)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	12.000.000	Kiểm nhiệm
2	Phó chủ tịch HĐQT	10.000.000	Kiểm nhiệm
3	Thành viên HĐQT	8.000.000	Kiểm nhiệm
4	Trưởng BKS	8.000.000	Chuyên trách
5	Thành viên BKS	6.000.000	Kiểm nhiệm

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý : cổ phiếu - chiếm:%
- Không đồng ý: cổ phiếu - chiếm:%
- Không có ý kiến: cổ phiếu - chiếm:%

Nội dung 7. Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 với một số nội dung chính như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận

Đơn vị: đồng

1	Lợi nhuận sau thuế 2021	27,557,725,028
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến năm 2020 chuyển sang	18,249,923,156
3	Lợi nhuận năm 2021 dùng để phân phối [(1)+(2)]	45,807,648,184
4	Trích lập quỹ dự phòng tài chính	200,000,000
5	Trích lập quỹ phúc lợi, khen thưởng	200,000,000
6	Lợi nhuận còn lại sau thuế để chia cổ tức [(3)-(4)-(5)]	45,407,648,184
7	Chi cổ tức cho các cổ đông (5%)	33,000,000,000
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm sau	12,407,648,184

2. Đại hội đồng ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào thực tế kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty quyết định thời gian chi trả cổ tức năm 2021 theo phương án trên.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý : cổ phiếu - chiếm:%
- Không đồng ý: cổ phiếu - chiếm:%
- Không có ý kiến: cổ phiếu - chiếm:%

Nội dung 8. Thông qua toàn văn tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (*đính kèm*);
2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa chữa chính tả, bổ sung các nội dung được thông qua tại ĐHĐCĐ và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và đăng ký bản Điều lệ này tại cơ quan nhà nước theo quy.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý : cổ phiếu - chiếm:%
- Không đồng ý: cổ phiếu - chiếm:%
- Không có ý kiến: cổ phiếu - chiếm:%

Nội dung 9. Thông qua toàn văn tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (*đính kèm*);
2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa chữa chính tả, bổ sung các nội dung được thông qua tại ĐHĐCĐ và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định.

Kết quả biểu quyết

- Đồng ý : cổ phiếu - chiếm:%
- Không đồng ý: cổ phiếu - chiếm:%
- Không có ý kiến: cổ phiếu - chiếm:%

Nội dung 10. Thông qua tờ trình Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty gồm các nội dung sau:

1. Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của HĐQT với các nội dung:
 - Chương I: gồm 2 điều, quy định chung.
 - Chương II: gồm 8 điều, quy định về thành viên Hội đồng quản trị.
 - Chương III: gồm 4 điều, quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.
 - Chương IV: gồm 3 điều, quy định về cuộc họp và biên bản họp của Hội đồng quản trị.
 - Chương V: gồm 3 điều, quy định về báo cáo và công khai lợi ích.
 - Chương VI: gồm 3 điều, quy định về mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành và Ban kiểm soát.
 - Chương VII: gồm 1 điều, quy định về điều khoản và hiệu lực thi hành.
2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa chữa chính tả và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và công bố Quy chế này theo quy định.

Kết quả biểu quyết

- | | | | |
|--------------------------|----------|----------------|---|
| - Đồng ý : | cổ phiếu | - chiếm: | % |
| - Không đồng ý: | cổ phiếu | - chiếm: | % |
| - Không có ý kiến: | cổ phiếu | - chiếm: | % |

Nội dung 11. Thông qua tờ trình Quy chế hoạt động của BKS Công ty gồm các nội dung sau:

1. Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của BKS với các nội dung:
 - Chương I: gồm 2 điều, quy định chung.
 - Chương II: gồm 8 điều, quy định về thành viên Ban kiểm soát.
 - Chương III: gồm 3 điều, quy định về quyền, nghĩa vụ và trách của Ban kiểm soát.
 - Chương IV: gồm 2 điều, quy định về cuộc họp và biên bản họp của Ban kiểm soát.
 - Chương V: gồm 3 điều, quy định về báo cáo và công khai lợi ích.
 - Chương VI: gồm 3 điều, quy định về mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát, ban điều hành và Hội đồng quản trị.
 - Chương VII: gồm 1 điều, quy định về điều khoản và hiệu lực thi hành.
2. Ủy quyền và giao cho Ban kiểm soát thực hiện việc sửa chữa chính tả và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và công bố Quy chế này theo quy định.

Kết quả biểu quyết

- | | | | |
|--------------------------|----------|----------------|---|
| - Đồng ý : | cổ phiếu | - chiếm: | % |
| - Không đồng ý: | cổ phiếu | - chiếm: | % |
| - Không có ý kiến: | cổ phiếu | - chiếm: | % |

PHẦN C. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Đại hội đã biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Đại hội đã làm việc đúng theo chương trình đã thông qua và với tinh thần dân chủ trách nhiệm, đúng Pháp luật.

Đại hội thống nhất ủy quyền cho Ông Chủ tịch HĐQT ra các Nghị quyết, Quyết định liên quan tới các nội dung đã được Đại hội thống nhất thông qua.

Đại hội kết thúc vào hồi 11 giờ 58 phút, ngày 22 tháng 04 năm 2022.

BAN THƯ KÝ

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ**

Nguyễn Văn Hà

Nguyễn Quang Thắng

Đông Quốc Cường

Tài liệu kèm theo:

- Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông;
- Quy chế đại hội;
- Các Báo cáo của Ban điều hành, HĐQT, Ban kiểm soát;
- Các Tờ trình;
- Biên bản kiểm phiếu biểu quyết.

Số: /2022/NQ-BHHC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

Luật doanh nghiệp năm 2020 ngày 17/06/2020;

Điều lệ Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà;

Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 22/04/2022,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội do Chủ tịch đoàn công bố trước đại hội, cụ thể như sau:

Nội dung 1. Thông qua toàn văn Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022, với một số chỉ tiêu chính như sau:

Kết quả SXKD năm 2021

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thực hiện năm 2021</i>
1.Sản lượng điện thương phẩm (Tr. kWh)	263,27
2.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	265,82
3.Doanh thu hoạt động tài chính (tỷ đồng)	0,453
4.Thu nhập khác (tỷ đồng)	0,404
5.Lợi nhuận khác (tỷ đồng)	
6.Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	29,184
7.Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	27,557

Kế hoạch SXKD năm 2022

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Kế hoạch 2022</i>
1.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr Kwh	299,19
2.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	268,217
3.	Chi phí quản lý vận hành	Tỷ đồng	19,972
4.	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	112,55
5.	Chi phí thường xuyên	Tỷ đồng	6,5
6.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	39,78
7.	Đầu tư	Tỷ đồng	6,8

Nội dung 2. Thông qua toàn văn Báo cáo hoạt động năm 2021 và phương hướng năm 2022 của HĐQT.

Toàn văn nội dung báo cáo đã được Chủ tịch HĐQT trình bày trước đại hội.

Nội dung 3. Thông qua toàn văn báo cáo của BKS

Toàn văn nội dung báo cáo đã được Trưởng ban kiểm soát trình bày trước Đại hội.

Nội dung 4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Giá trị (đồng)
1	Tổng tài sản	Đồng	1.710.047.064.367
2	Doanh thu thuần	Đồng	265.825.456.802
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	29.184.986.631
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	27.557.725.028

Nội dung 5. Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022, với các nội dung sau:

5.1. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

- Công ty TNHH hãng kiểm toán (AASC);
- Công ty TNHH kiểm toán Quốc Tế (ICPA);
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C;
- Công ty TNHH kiểm toán CPA;

5.2. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện việc lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán nêu trên.

Nội dung 6. Thông qua tờ trình quyết toán thù lao năm 2021 và dự toán thù lao năm 2022 cho các thành viên HĐQT và BKS;

I. Quyết toán thù lao năm 2021 cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

Thù lao năm 2021 đã chi trả: 1.015.000.000 VNĐ;

Trong đó:

- Thù lao HĐQT: 726.000.000 VNĐ
- Thù lao Ban kiểm soát: 289.000.000 VNĐ

II. Dự toán thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2021

Mức thù lao của HĐQT và BKS trước thuế TNCN như sau:

TT	Chức danh	Mức thù lao/tháng (đồng)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	12.000.000	Kiểm nhiệm
2	Phó chủ tịch HĐQT	10.000.000	Kiểm nhiệm
3	Thành viên HĐQT	8.000.000	Kiểm nhiệm
4	Trưởng BKS	8.000.000	Chuyên trách
5	Thành viên BKS	6.000.000	Kiểm nhiệm

Nội dung 7. Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 với một số nội dung chính như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận:

Đơn vị: đồng

1	Lợi nhuận sau thuế 2021	27,557,725,028
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến năm 2020 chuyển sang	18,249,923,156
3	Lợi nhuận năm 2021 dùng để phân phối [(1)+(2)]	

		45,807,648,184
4	Trích lập quỹ dự phòng tài chính	200,000,000
5	Trích lập quỹ phúc lợi, khen thưởng	200,000,000
6	Lợi nhuận còn lại sau thuế để chia cổ tức [(3)-(4)-(5)]	45,407,648,184
7	Chi cổ tức cho các cổ đông (5%)	33,000,000,000
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm sau	12,407,648,184

2. Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào thực tế kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty quyết định thời gian chi trả cổ tức năm 2021 theo phương án trên.

Nội dung 8. Thông qua toàn văn tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (*đính kèm*);
2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa chữa chính tả, bổ sung các nội dung được thông qua tại ĐHĐCĐ và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và đăng ký bản Điều lệ này tại cơ quan nhà nước theo quy.

Nội dung 9. Thông qua toàn văn tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (*đính kèm*);
2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa chữa chính tả, bổ sung các nội dung được thông qua tại ĐHĐCĐ và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định.

Nội dung 10. Thông qua tờ trình Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty gồm các nội dung sau:

1. Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của HĐQT với các nội dung:
 - Chương I: gồm 2 điều, quy định chung.
 - Chương II: gồm 8 điều, quy định về thành viên Hội đồng quản trị.
 - Chương III: gồm 4 điều, quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.
 - Chương IV: gồm 3 điều, quy định về cuộc họp và biên bản họp của Hội đồng quản trị.
 - Chương V: gồm 3 điều, quy định về báo cáo và công khai lợi ích.
 - Chương VI: gồm 3 điều, quy định về mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành và Ban kiểm soát.
 - Chương VII: gồm 1 điều, quy định về điều khoản và hiệu lực thi hành.
2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa chữa chính tả và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và công bố Quy chế này theo quy định.

Nội dung 11 Thông qua tờ trình Quy chế hoạt động của BKS Công ty gồm các nội dung sau:

1. Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của BKS với các nội dung:
 - Chương I: gồm 2 điều, quy định chung.
 - Chương II: gồm 8 điều, quy định về thành viên Ban kiểm soát.
 - Chương III: gồm 3 điều, quy định về quyền, nghĩa vụ và trách của Ban kiểm soát.
 - Chương IV: gồm 2 điều, quy định về cuộc họp và biên bản họp của Ban kiểm soát.

- Chương V: gồm 3 điều, quy định về báo cáo và công khai lợi ích.
 - Chương VI: gồm 3 điều, quy định về mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát, ban điều hành và Hội đồng quản trị.
 - Chương VII: gồm 1 điều, quy định về điều khoản và hiệu lực thi hành.
2. Ủy quyền và giao cho Ban kiểm soát thực hiện việc sửa chữa chính tả và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và công bố Quy chế này theo quy định.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông thống nhất thông qua tại Đại hội này theo đúng Pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 3. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 04 năm 2022.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (đăng trên website Cty);
- Công bố thông tin theo quy định;
- Lưu HĐQT, TCHC.

T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch HĐQT

Đông Quốc Cường